

Số: 937/BC-ĐHL

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2026
(Số liệu tính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội báo cáo công khai hoạt động năm 2026 (số liệu tính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025), cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: University of Law, Vietnam National University, Hanoi.
- Tên rút gọn: VNU University of Law.
- Tên viết tắt: VNU-UL.

1.2. Địa chỉ:

- Trụ sở: Số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại 0243.7547787
- E-mail: lawsch@vnu.edu.vn
- Website: www.law.vnu.edu.vn

1.3. Loại hình: Công lập, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, mục tiêu của Trường

Sứ mệnh

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về pháp luật theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo quản lý có tầm chiến lược và khả năng thích ứng cao cho Nhà nước, các tổ chức và xã hội, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; sáng tạo, truyền bá trí thức; nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu khoa học ứng dụng về luật học; tư vấn, phản biện và cung cấp dịch vụ pháp luật có giá trị cao cho Nhà nước, tổ chức, xã hội và công dân.

Tầm nhìn

Trở thành Trường đại học định hướng nghiên cứu về luật học có tính hội nhập cao, có thương hiệu và uy tín trong khối các Trường đại học về luật ở Đông Nam Á.

Giá trị cốt lõi

(1) Chất lượng cao

Trường Đại học Luật luôn hướng đến chất lượng cao trên mọi lĩnh vực, trong mọi hoạt động của mỗi cá nhân, đơn vị, tập thể. Đây là sự lựa chọn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược hướng tới trình độ khu vực và quốc tế. Chất lượng và hiệu quả cao trong tất cả các hoạt động vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của Trường.

(2) Đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững

Trường Đại học Luật là môi trường tự do sáng tạo, khai phóng; luôn ủng hộ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những ý tưởng tiên bộ, đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác đóng góp cho sự phát triển của Trường, của ĐHQGHN và toàn xã hội. Đổi mới, sáng tạo phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.

(3) Trách nhiệm xã hội

Trường Đại học Luật có trách nhiệm cao đối với xã hội, cam kết mang đến cho người học một chất lượng đào tạo và sự phục vụ tốt nhất; cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ với chất lượng cao nhất; đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển của đất nước.

Triết lý giáo dục

Khai phóng; đổi mới sáng tạo; học tập suốt đời; ý thức trách nhiệm và phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu chung

Trở thành đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản của đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; phấn đấu đến năm 2025, ĐHQGHN thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu châu Á hoặc nhóm 500 đại học hàng đầu thế giới; đến năm 2030 thuộc nhóm 300 đại học hàng đầu thế giới.

Mục tiêu cụ thể

(1) Đào tạo và Bảo đảm chất lượng đào tạo

- Đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ luật chất lượng cao, có tư duy pháp lý hệ thống, phục vụ phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.
- Quy mô đào tạo hợp lý, đáp ứng tiêu chí đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.
- Phát triển ngành/chuyên ngành mới, liên ngành, quốc tế, xây dựng cơ chế liên thông, trao đổi tín chỉ với đại học trong khu vực và thế giới.
- Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, đổi mới phương pháp giảng dạy, cá thể hóa, lấy người học làm trung tâm, gắn lý thuyết với thực hành.
- Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ; kiểm định chất lượng 100% chương trình đào tạo theo chuẩn quốc gia và quốc tế.

(2) Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

- Đến năm 2030, phát triển trở thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức hàng đầu Việt Nam và khu vực.

u

- Xây dựng các nhóm, trung tâm nghiên cứu có năng lực quốc tế, tạo sản phẩm nghiên cứu trọng điểm có thương hiệu và giá trị thực tiễn.

- Hình thành các trường phái khoa học pháp lý tiêu biểu, quy tụ chuyên gia uy tín, góp phần định hướng luật học Việt Nam hiện đại.

- Công bố quốc tế uy tín trở thành tiêu chuẩn đội ngũ, năng lực công bố khoa học vượt trung bình ngành.

- Xây dựng văn hóa nghiên cứu khoa học của người học gắn với chuẩn đầu ra và thương hiệu đào tạo chất lượng cao.

- Trở thành địa chỉ tư vấn, phản biện chính sách uy tín cho Nhà nước, xã hội và tổ chức quốc tế.

- Phát triển các diễn đàn học thuật uy tín trong nước và khu vực (Diễn đàn Luật học Mùa Thu, Diễn đàn Luật học Mùa Xuân).

- Quản trị khoa học công nghệ bằng nền tảng số, quản trị thông minh.

- Phát triển tạp chí khoa học của Trường thành tạp chí quốc tế uy tín.

- Bảo đảm tự chủ tài chính cho hoạt động khoa học, tăng đóng góp vào tổng thu chung của Trường.

(3) Phục vụ cộng đồng

- Đẩy mạnh phục vụ cộng đồng qua sản phẩm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao.

- Tăng số lượng công bố có trích dẫn cao, tư vấn chính sách, tham gia góp ý dự thảo luật.

- Mở rộng dự án cộng đồng, tư vấn pháp luật cho tổ chức, cá nhân, đặc biệt với nhóm chính sách và yếu thế.

- Nâng cao năng lực tư vấn pháp luật của Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ pháp lý, bảo đảm sinh viên tham gia thực hành tư vấn.

- Tạo điều kiện cho tổ chức đoàn thể trong Trường phát động chương trình cộng đồng ý nghĩa, thiết thực.

(4) Tổ chức bộ máy và Nguồn nhân lực

- Xây dựng bộ máy tổ chức, nhân sự tinh gọn, hiệu quả, phù hợp quy định và tình hình thực tế từng giai đoạn.

- Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất, chuyên môn, năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý có năng lực lãnh đạo, quản trị, hội nhập quốc tế.

- Đội ngũ chuyên viên, nhân viên tác phong chuyên nghiệp, sử dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý.

(5) Hợp tác quốc tế

- Hình thành cơ hội hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu chất lượng cao với các đối tác trong và ngoài nước.

- Mở rộng mạng lưới đối tác, ký kết thỏa thuận hợp tác với các Trường đại học và tổ chức uy tín trong ngành luật.

- Tăng cường các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo quốc tế, hợp tác công bố khoa học, trao đổi sinh viên, giảng viên.
- Nâng số giảng viên, sinh viên tham gia trao đổi quốc tế, số khóa học quốc tế, sinh viên nước ngoài đến học tập.
- Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho giảng viên, cán bộ, sinh viên qua nâng cao ngoại ngữ, tập huấn kỹ năng quốc tế.
- Khuyến khích tổ chức đoàn thể triển khai đa dạng hoạt động hợp tác quốc tế trong cộng đồng học thuật.

(6) Tài chính và Cơ sở vật chất

a) Về nguồn lực tài chính

- Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ chi thường xuyên.
- Gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường.
- Hướng tới tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư.
- Thu nhập viên chức, người lao động tăng 10–20%/năm.

b) Về cơ sở vật chất

- Xây dựng Trường Đại học Luật tại Hòa Lạc theo kế hoạch, đến năm 2030 tổ chức đào tạo cho khoảng 100% sinh viên đại học chính quy tại đây.
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại tại nội thành và Hòa Lạc, bảo đảm hệ thống giảng đường, phòng làm việc, thư viện, tiện ích đạt chuẩn.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đến năm 2027 đưa vào sử dụng các phần mềm, ứng dụng CNTT cho quản lý, đào tạo, nghiên cứu; phát triển hạ tầng công nghệ đồng bộ, liên thông phục vụ quản trị đại học hiện đại.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường Đại học Luật, thành viên ĐHQGHN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu luật uy tín và có truyền thống của đất nước với gần 50 năm hình thành và phát triển. Ngày 30 tháng 7 năm 1976, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ban hành Quyết định số 1087 thành lập Khoa Pháp lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội - cơ sở đào tạo cử nhân luật đầu tiên của nước Việt Nam, tiền thân của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN hiện nay.

Trong suốt lịch sử phát triển, cùng với những chuyển biến của đất nước, Trường đã có những lần thay đổi về tên gọi, địa vị pháp lý. Năm 1979, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Khoa Pháp lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã hợp nhất với Trường Cao đẳng pháp lý thuộc Ủy ban Pháp chế của Chính phủ để hình thành nên Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội). Năm 1986, Khoa Luật được tái lập trở lại thành đơn vị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tháng 9 năm 1995, thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật trở thành đơn vị thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Ngày 07 tháng 3 năm 2000, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định nâng cấp Khoa Luật từ Khoa thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trở thành Khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1124/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Luật là Trường Đại học thành viên của ĐHQGHN trên cơ sở Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN.

1.6. Thông tin người đại diện:

Họ tên: PGS.TS. Trịnh Tiến Việt

Chức vụ: Quyền Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Nhà E1, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN, số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (024) 37547889

Email: ttviet@vnu.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập Trường Đại học Luật, ĐHQGHN:

Quyết định thành lập: Trường Đại học Luật được thành lập theo Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật là Trường Đại học thành viên của ĐHQGHN.

b) Hội đồng trường:

- Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 được thành lập theo Quyết định số 5750/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Trường Đại học Luật, bao gồm 17 thành viên.

- Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 là PGS.TS. Nguyễn Trọng Điệp theo Quyết định số 6326/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/12/2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc công nhận Ông Nguyễn Trọng Điệp giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Luật.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Luật:

TT	Họ tên	Chức vụ, đơn vị
1	Nguyễn Hoàng Hải	Phó Bí thư Đảng ủy ĐHQGHN, Phó Giám đốc ĐHQGHN
2	Nguyễn Trọng Điệp	Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
3	Trần Thu Hạnh	Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
4	Trịnh Tiến Việt	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
5	Nguyễn Hoàng Anh	Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
6	Lê Lan Chi	Chủ nhiệm Khoa Tư pháp Hình sự, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
7	Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
8	Mai Văn Thắng	Đảng ủy viên, Trưởng Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác phát triển, Phó Chủ nhiệm Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
9	Nguyễn Bích Thảo	Chủ nhiệm Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN

10	Trần Anh Tú	Đảng ủy viên, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phó Chủ nhiệm Khoa Luật Kinh doanh, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
11	Đặng Minh Tuấn	Chủ nhiệm Khoa Luật Hiến pháp và Luật Hành chính Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
12	Trần Văn Biên	Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp
13	Nguyễn Quỳnh Dương	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty EV Group
14	Nguyễn Hồng Nam	Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao
15	Nguyễn Mạnh Thắng	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty xây dựng Sông Đà 7
16	Chu Thị Trang Vân	Trưởng Văn phòng luật sư Investlinkco và Cộng sự
17	Nguyễn Thị Phương Chi	Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Trường Đại học Luật, ĐHQGHN

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN:

- PGS.TS. Trịnh Tiến Việt – Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Luật (Quyết định số 3016/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/06/2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Luật).

- PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật (Nghị quyết số 779/NQ-HĐT ngày 11/6/2024 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật).

d) Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật:

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật (ban hành theo Nghị quyết số 1965/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật), cụ thể như sau:

- Chức năng, nhiệm vụ của Trường:

(1) Trường Đại học Luật có chức năng và nhiệm vụ quy định tại Luật Giáo dục đại học, Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định của Nhà nước, quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Thực hiện liên thông, liên kết, hợp tác toàn diện với các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN trong triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ; sử dụng và chia sẻ các nguồn lực, cơ sở vật chất theo quy định của ĐHQGHN.

(3) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và do Giám đốc ĐHQGHN giao.

- Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật (tính đến ngày 31/12/2025) bao gồm:

(1) Hội đồng trường

(2) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng

(3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng tư vấn khác

(4) Các Phòng chức năng

(5) Các Khoa chuyên môn

(6) Các Trung tâm nghiên cứu thuộc Trường

(7) Các đơn vị khác thuộc Trường được thành lập theo quy định của pháp luật và nhu cầu phát triển của Trường

- Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường (ban hành kèm theo Quyết định số 846/QĐ-ĐHL ngày 04/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, ĐHQGHN):

(1) Các Phòng chức năng: Trường Đại học Luật có 04 phòng chức năng như sau: Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên; Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng; Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế; Phòng Kế hoạch – Tài chính.

* **Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên** có chức năng tổ chức thực hiện các công tác về tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo quy định; Chủ trì và tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác chính trị học sinh sinh viên; Tổ chức thực hiện công tác khảo thí. Nhiệm vụ như sau:

- *Chủ trì thực hiện công tác tuyển sinh:*

+ Thực hiện việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng quy chế, đề án, thông báo tuyển sinh theo kế hoạch hằng năm;

+ Xây dựng kế hoạch và triển khai công việc tuyển sinh hằng năm;

+ Triển khai hoạt động liên kết đào tạo với các cơ sở ngoài Trường;

+ Xây dựng kế hoạch và tham gia công tác quảng bá tuyển sinh;

+ Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh.

- *Quản lý đào tạo:*

+ Nghiên cứu đề xuất phương hướng phát triển về mục tiêu đào tạo, các hệ đào tạo, cơ cấu ngành nghề, quy mô và phương thức đào tạo; Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị triển khai mở ngành và chuyên ngành đào tạo mới;

+ Xây dựng, cập nhật quy chế đào tạo; Rà soát chương trình đào tạo; Quản lý và kiểm tra việc thực hiện các chương trình đào tạo;

+ Quản lý công tác mời giảng viên giảng dạy các môn học chung, cộng tác viên.

- *Tổ chức hoạt động đào tạo:*

+ Lập kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu hằng năm cho các ngành, chuyên ngành đào tạo;

+ Tổ chức cho sinh viên đăng ký kế hoạch học tập;

+ Tổ chức các lớp học phần, tổ chức hình thức dạy học phù hợp với các chương trình đào tạo đã được xây dựng;

+ Xây dựng lịch thi hết học phần theo từng học kỳ;

+ Xác nhận khối lượng giảng dạy bậc đại học của giảng viên.

- *Công tác Khảo thí:*

+ Xây dựng công cụ, quy trình và quản lý việc triển khai thực hiện kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học;

+ Tổ chức lập, quản lý, sử dụng ngân hàng đề thi hết học phần thuộc chương trình đào tạo của Trường;

+ Tổ chức các kỳ thi hết học phần (lập kế hoạch chi tiết; triển khai tổ chức thi, làm phách, chấm thi; quản lý bài thi...);

+ Quản lý điểm học phần, nhập, theo dõi phân tích kết quả học tập của người học.

- *Quản lý văn bằng, chứng chỉ:*

+ Rà soát điều kiện công nhận tốt nghiệp, trình Hội đồng tốt nghiệp Nhà trường;

+ In, trình ký, cấp phát văn bằng, xác minh văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận tốt nghiệp. Xác nhận, cấp phụ lục văn bằng, phiếu kết quả học tập cho sinh viên;

+ Quản lý, thực hiện chế độ báo cáo về văn bằng, chứng chỉ.

- *Công tác chính trị, học sinh sinh viên:*

Về công tác chính trị, tư tưởng sinh viên:

+ Xây dựng và trình ban hành các quy định cụ thể hoá quy chế quản lý sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng trong Trường;

+ Trình Hiệu trưởng phê duyệt chương trình kế hoạch công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên;

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác xây dựng văn hóa học đường cho sinh viên trong Trường;

+ Phối hợp với các đơn vị, tổ chức đoàn thể tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, thói quen sống và làm việc theo pháp luật cho sinh viên....

Về công tác quản lý sinh viên:

+ Tiếp nhận, thành lập lớp sinh viên; quản lý và lưu trữ hồ sơ sinh viên; cấp phát, quản lý thẻ sinh viên; cấp giấy chứng nhận sinh viên; tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho sinh viên đầu khóa, cuối khóa theo quy định;

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo giáo dục quốc phòng an ninh cho sinh viên;

+ Xét thi đua, khen thưởng, xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên; xét kỷ luật sinh viên; đánh giá rèn luyện của sinh viên; đánh giá kết quả học tập, giao đề tài tốt nghiệp cho sinh viên; xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên;

+ Tiếp nhận tài trợ học bổng cho sinh viên của các tổ chức trong và ngoài nước;

+ Tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến chế độ, chính sách của Nhà nước, Nhà trường về học phí, học bổng, trợ cấp xã hội, vay vốn ngân hàng, khuyến học, khuyến tài, lao động công ích, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh... đối với sinh viên;

+ Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên. Tiếp nhận, giải quyết các đơn thư đề nghị, khiếu nại, tố cáo của sinh viên theo thẩm quyền và báo cáo lãnh đạo Nhà trường theo quy định;

+ Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các phong trào thi đua cho sinh viên.

Về công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm:

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin việc làm, tuyển dụng, yêu cầu về kỹ năng, thái độ của các nhóm nghề nghiệp, việc làm; thông tin về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến ngành đào tạo;

+ Hướng dẫn sinh viên khai thác cơ sở dữ liệu thông tin tuyển dụng của các đơn vị sử dụng lao động, thông tin về nhu cầu thị trường lao động trên cổng thông tin dịch vụ việc làm của Nhà trường;

+ Tư vấn khởi nghiệp, tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp cho sinh viên;

+ Cung cấp công cụ, phương pháp và hướng dẫn sinh viên đánh giá kỹ năng, thái độ, khả năng thích ứng với thị trường lao động;

+ Tổ chức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, việc làm thông qua các hoạt động xã hội, các hoạt động ngoại khóa;

+ Tham mưu giúp Hiệu trưởng hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ công tác hướng nghiệp, khởi nghiệp;

+ Phối hợp với các đơn vị khác xây dựng và phát triển mối quan hệ với các doanh nghiệp và cựu sinh viên nhằm phục vụ hoạt động khởi nghiệp và dịch vụ.

*** Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng** có chức năng chủ trì và tham mưu cho Hiệu trưởng trong các lĩnh vực sau: Tổ chức, quản lý triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và thông tin khoa học công nghệ; Tổ chức, quản lý các hoạt động hợp tác phát triển trong và ngoài nước; Tổ chức, quản lý các hoạt động thông tin truyền thông của Trường; Tổ chức, quản lý các hoạt động đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, phát triển chương trình đào tạo. Có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức, quản lý công tác Khoa học công nghệ:

+ Xây dựng các định hướng, chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hành động; các văn bản quy định; văn bản hướng dẫn; các báo cáo trong công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tài liệu phục vụ đào tạo;

+ Là đầu mối quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của các đơn vị và cá nhân trong toàn Trường; tư vấn chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, cho các cơ quan quản lý Nhà nước, địa phương, các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh;

+ Là đầu mối xúc tiến phát triển hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học của Trường, chủ động tìm kiếm, tiếp nhận, khai thác đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Tư vấn cho Hiệu trưởng xét duyệt, phân bổ các đề tài khoa học và các hợp đồng tư vấn do Phòng quản lý cho các đơn vị, cá nhân trong Trường thực hiện;

+ Tổ chức giao chỉ tiêu kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ, kế hoạch biên soạn sách phục vụ đào tạo cho các đơn vị trong Trường;

+ Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và thực hiện, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học các cấp các dự án sự nghiệp kinh tế, các hợp đồng dịch vụ Khoa học - Công nghệ;

+ Thẩm định, xác nhận khối lượng công tác nghiên cứu khoa học hằng năm của cán bộ giảng viên trong Trường;

th

+ Tổng kết, báo cáo về hoạt động khoa học công nghệ hằng năm của Trường và tư vấn cho Hiệu trưởng khen thưởng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường;

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học trong sinh viên;

+ Quản lý, lưu trữ thông tin, tài liệu hồ sơ về kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

+ Quản lý lý lịch khoa học của giảng viên, ký xác nhận lý lịch khoa học của giảng viên;

+ Quản lý các tài sản hình thành thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước và của Trường theo quy định của pháp luật;

+ Giúp việc cho hoạt động của chuyên san Luật học thuộc Tạp chí khoa học của ĐHQGHN.

- *Tổ chức, quản lý các hoạt động hợp tác phát triển trong và ngoài nước:*

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình, ban hành các văn bản, quy định, hướng dẫn và thực hiện báo cáo công tác liên quan tới hợp tác phát triển;

+ Thực hiện các công tác tổ chức và quản lý hợp tác phát triển trong toàn Trường;

+ Xây dựng, quản lý và triển khai các chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài, quốc tế;

+ Tổ chức các hoạt động trao đổi quốc tế cho người học, giảng viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia;

+ Triển khai các hoạt động trao đổi, hợp tác chuyên môn với các đơn vị, tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước;

+ Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế;

+ Quản lý đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch.

- *Quản lý Website, hoạt động truyền thông, công nghệ thông tin:*

+ Quản lý nội dung thông tin của Trường trên website: Phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý nội dung và cập nhật thường xuyên thông tin của Trường, các đơn vị trực thuộc Trường; Đưa tin bài, hình ảnh, hoạt động của Trường và sinh viên trong Trường. Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nội dung Website;

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá truyền thông cho các hoạt động, sự kiện: Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông cho các hoạt động, sự kiện của Trường đến cán bộ, sinh viên trong Trường; Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai kế hoạch truyền thông cho các hoạt động, sự kiện khác khi được phân công;

+ Quản trị tên miền website, hosting, bảo đảm khả năng hoạt động và vận hành trang thông tin điện tử cũng như các nền tảng mạng xã hội của Trường;

+ Triển khai tổ chức các sự kiện của Trường và các đơn vị trong Trường khi được phân công;

+ Đầu mối quản lý, triển khai công tác công nghệ thông tin trong Trường.



- *Công tác đảm bảo chất lượng:*

- + Xây dựng và triển khai kế hoạch Đảm bảo chất lượng của Nhà trường;
- + Xây dựng các văn bản quản lý, văn bản hướng dẫn, bộ công cụ đánh giá, quy trình phối hợp triển khai nhằm thực hiện các yêu cầu về bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và nâng cao văn hóa chất lượng cho cán bộ, giảng viên và người học của Trường;
- + Đầu mối tổ chức triển khai và quản lý công tác xây dựng, điều chỉnh và phát triển các ngành học, chương trình đào tạo, đề cương học phần bậc đại học và sau đại học; Tổ chức thẩm định và ban hành các CTĐT, đề cương học phần sau điều chỉnh để áp dụng cho các khoá tuyển sinh tương ứng;
- + Thực hiện công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng Trường và các chương trình đào tạo; tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng;
- + Lập kế hoạch và giám sát việc thực hiện cải tiến chất lượng của Nhà trường, Chương trình đào tạo; Tổ chức xây dựng Kế hoạch và triển khai công tác Hậu kiểm định sau đánh giá ngoài đối với CSGD và CTĐT; Báo cáo hậu kiểm định, đánh giá giữa kỳ cho các cơ quan quản lý cấp trên Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN và Tổ chức Kiểm định chất lượng;
- + Tổ chức triển khai xây dựng các kế hoạch, các báo cáo liên quan đến hoạt động xếp hạng đại học theo các bảng xếp hạng của các tổ chức khác nhau; đầu mối phân công nhân lực thực hiện công tác xếp hạng đại học;
- + Quản lý hệ thống thu thập thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ cải tiến chất lượng;
- + Tổ chức triển khai thực hiện việc công khai của Nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và ĐHQGHN.

*** Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế** có chức năng chủ trì và tham mưu cho Hiệu trưởng trong các lĩnh vực sau: Tổ chức - Cán bộ; Hành chính, Quản trị, Cơ sở vật chất; Thanh tra - Pháp chế. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- *Công tác tổ chức Tổ chức - Cán bộ:*

- + Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, viên chức và người lao động; quản lý hồ sơ cán bộ; thực hiện chế độ tiền lương; thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá viên chức, người lao động; các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật...;
- + Tuyển dụng; sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp; phân công công việc; chuyển chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chấm dứt hợp đồng làm việc, cho thôi việc... đối với cán bộ, viên chức và người lao động;
- + Quy hoạch; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, cho thôi chức vụ các chức danh lãnh đạo các cấp theo phân cấp quản lý;
- + Triển khai công tác xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, đề xuất Hội đồng Giáo sư cơ sở;
- + Bảo vệ chính trị nội bộ cơ quan.

- *Công tác Hành chính:*

- + Tổng hợp, xây dựng kế hoạch công tác theo nhiệm kỳ, hằng năm, hằng tháng; là đầu mối tổng hợp và lập các loại báo cáo khác theo chức năng, nhiệm vụ;

Vh

- + Tổ chức, triển khai các hoạt động lễ tân, khánh tiết;
- + Hướng dẫn, triển khai, quản lý, giám sát công tác hành chính, văn thư, lưu trữ;
- + Thực hiện các nghiệp vụ giúp việc cho Ban Giám hiệu; Hội đồng trường;
- + Quản lý, điều hành việc sử dụng xe ô tô của Trường để phục vụ các công việc theo quy định của Nhà nước và của Nhà trường;
- + Là đơn vị đầu mối, xây dựng và quản lý hệ thống dữ liệu dùng chung của Nhà trường.

- Công tác quản trị cơ sở vật chất

+ Xây dựng các định hướng, chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hành động; văn bản hướng dẫn; các loại báo cáo trong công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị; công tác đầu tư và xây dựng; y tế, vệ sinh môi trường, quản lý lớp học; công tác bảo vệ và phòng chống cháy nổ;

+ Mua sắm và quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Nhà trường; bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị và hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ công tác chung;

+ Quản lý xây dựng, cải tạo, sửa chữa các công trình của Trường theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành khác;

+ Chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, sinh viên; đôn đốc thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác vệ sinh môi trường; tổ chức phòng chống dịch bệnh trong Trường;

+ Chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện việc đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn trong Trường;

+ Quản lý vũ khí và các trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ bảo vệ, công tác phòng chống cháy nổ của Trường.

- Công tác xuất bản: Thực hiện các thủ tục in ấn, xuất bản nội bộ giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo và NCKH trong Trường.

- Công tác pháp chế: Đầu mối tổ chức, thực hiện, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước, của cấp trên và của Trường về công tác pháp chế, như: Xây dựng các văn bản quản lý; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả và xử lý các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong hoạt động của Nhà trường...

- Công tác thanh tra:

+ Xây dựng các định hướng, chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hành động; các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; các loại báo cáo trong công tác thanh tra;

+ Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đó theo quy định của pháp luật;

+ Thanh tra việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý của Hiệu trưởng;

+ Giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

+ Giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công khai, minh bạch tài sản (kê khai tài sản) theo quy định;

+ Làm đầu mối giúp Hiệu trưởng phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan về công tác thanh tra;

+ Báo cáo, tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra: công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác phòng, chống tham nhũng của Trường theo yêu cầu của Hiệu trưởng và Thanh tra cấp trên; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục.

- *Công tác Dân quân tự vệ, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ:*

+ Tuyên truyền, vận động cán bộ, viên chức, người lao động, học viên, sinh viên và Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội;

+ Sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan;

+ Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

+ Tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

* **Phòng Kế hoạch – Tài chính** có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng về công tác kế hoạch, quản lý hoạt động tài chính và chế độ kế toán. Tổ chức, thực hiện quản lý tập trung và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính của Trường theo chế độ quy định của Nhà nước. Có nhiệm vụ sau:

- *Công tác kế hoạch:*

+ Là đầu mối xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn; trung hạn; kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm của Trường phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của ĐHQGHN và theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện sau khi được phê duyệt;

+ Tổng hợp công tác kế hoạch chung toàn Trường và theo dõi, lập báo cáo về tiến độ thực hiện của các đơn vị, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chung của Trường.

- *Công tác tài chính:*

+ Chủ trì xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;

+ Lập dự toán thu chi tài chính, tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định;

+ Phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan tổ chức quản lý có hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực tài chính, tài sản của Nhà trường;

+ Thu nhập, xử lý thông tin và số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán;

+ Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

+ Phân tích thông tin số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm phục vụ yêu cầu quản trị và các quyết định kinh tế, tài chính nhằm mở rộng, tăng nguồn thu cho Nhà trường;

+ Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo chế độ kế toán hiện hành. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ kế toán theo quy định;

+ Phản ánh mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định; tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản thu của Nhà trường;

+ Phối hợp với các đơn vị chức năng để lập dự trù mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị theo kế hoạch; thanh toán các chế độ tài chính cho cán bộ, viên chức, người lao động hợp đồng và sinh viên trong Trường theo đúng quy định hiện hành;

+ Hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến các văn bản của Nhà nước về quản lý tài chính, tổ chức thực hiện việc kiểm tra, tổng hợp quyết toán tài chính năm của các đơn vị trực thuộc Trường;

+ Hướng dẫn các đơn vị các quy trình, thủ tục liên quan đến tài chính theo quy định.

(2) Các Khoa chuyên môn

Trường Đại học Luật có 05 Khoa chuyên môn gồm Khoa Luật tư; Khoa Tư pháp Hình sự; Khoa Luật Quốc tế; Khoa Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật. Các Khoa chuyên môn là đơn vị có chức năng thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc các ngành, chuyên ngành được phân công phụ trách, có nhiệm vụ:

- Quản lý giảng viên, viên chức, người lao động và người học thuộc Khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm:

+ Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

+ Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Trường. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN và của Trường;

+ Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

+ Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của đơn vị;

th

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc đơn vị.

(3) Các Trung tâm nghiên cứu thuộc Trường

Trường Đại học Luật có 2 Trung tâm nghiên cứu gồm: Trung tâm Nghiên cứu Luật biển và Hàng hải quốc tế; Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, có chức năng nghiên cứu khoa học, hỗ trợ phục vụ đào tạo và tổ chức dịch vụ khoa học, tư vấn pháp luật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc (tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Tên đơn vị	Thời gian	Năm thành lập	Quyết định
	Phòng chức năng			
1	Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên	04/11/2022	2022	1340/QĐ-ĐHL
2	Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng	27/02/2025	2025	231/QĐ-ĐHL
3	Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế	27/02/2025	2025	231/QĐ-ĐHL
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	04/11/2022	2022	1337/QĐ-ĐHL
	Khoa chuyên môn			
1	Khoa Luật tư	27/02/2025	2025	231/QĐ-ĐHL
2	Khoa Tư pháp Hình sự	04/11/2022	2022	1346/QĐ-ĐHL
3	Khoa Luật Quốc tế	04/11/2022	2022	1345/QĐ-ĐHL
4	Khoa Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	04/11/2022	2022	1342/QĐ-ĐHL
5	Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật	04/11/2022	2022	1343/QĐ-ĐHL
	Trung tâm nghiên cứu thuộc Trường			
1	Trung tâm Nghiên cứu Luật biển và Hàng hải quốc tế	04/11/2022	2022	1348/QĐ-ĐHL
2	Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý	04/11/2022	2022	1350/QĐ-ĐHL

th

e) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc:

Nơi làm việc: Nhà E1, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội - số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7547787

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ Email
I. Hội đồng trường và Ban Giám hiệu			
1	Nguyễn Trọng Điệp	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường	dieptrongnguyen@yahoo.com
2	Trịnh Tiến Việt	Quyền Hiệu trưởng	ttviet@vnu.edu.vn
3	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Hiệu trưởng	anhnhkl@vnu.edu.vn
II. Các đơn vị trực thuộc			
2.1	Phòng chức năng		
1	Nguyễn Thị Lan	Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên	lanntkl@vnu.edu.vn
2	Trần Thị Hoàng Lan	Phó trưởng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên	Lantth@vnu.edu.vn
3	Đỗ Thị Bích Nguyệt	Phó trưởng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên	nguyetdtb@vnu.edu.vn
4	Mai Văn Thắng	Quyền Trưởng Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng	thangmv@vnu.edu.vn
5	Trần Hồng Hạnh	Phó trưởng Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng	thanh@vnu.edu.vn
6	Nguyễn Văn Công	Trưởng Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế	congnv@vnu.edu.vn
7	Bùi Đức Lợi	Phó trưởng Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế	loibd@vnu.edu.vn
8	Chu Thị Ngọc	Phó trưởng Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế	ngocct@vnu.edu.vn
9	Trần Văn Cường	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	cuongtrankl@gmail.com
10	Lê Thị Tuyết Minh	Phó trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	littminh1974@gmail.com
2.2	Các Khoa chuyên môn		
1	Nguyễn Bích Thảo	Quyền Chủ nhiệm Khoa Luật tư	nguyenbichthao29@gmail.com

2	Trần Anh Tú	Phó Chủ nhiệm Khoa Luật tư	tuta@vnu.edu.vn
3	Đỗ Giang Nam	Phó Chủ nhiệm Khoa Luật tư	dogiangnam44@gmail.com
4	Lê Lan Chi	Chủ nhiệm Khoa Tư pháp Hình sự	lechilan@gmail.com
5	Trần Thu Hạnh	Phó Chủ nhiệm Khoa Tư pháp Hình sự	tranthuhanh72@yahoo.com
6	Nguyễn Thị Xuân Sơn	Chủ nhiệm Khoa Luật Quốc tế	xuxuson@gmail.com
7	Đặng Minh Tuấn	Chủ nhiệm Khoa Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	tuandangvnu@gmail.com
8	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Chủ nhiệm Phụ trách Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật	tuannguyenminh1979@gmail.com
9	Mai Văn Thắng	Phó Chủ nhiệm Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật	thangmv@vnu.edu.vn
2.3.	Các Trung tâm nghiên cứu thuộc Trường		
1	Nguyễn Thị Xuân Sơn	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Luật biển và Hàng hải quốc tế	xuxuson@gmail.com
2	Nguyễn Thị Lan	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý	lanntkl@vnu.edu.vn

1.8. Các văn bản hướng dẫn khác của Trường Đại học Luật:

a) Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Theo Nghị quyết 104/NQ-HĐT ngày 21/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

b, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN (theo Nghị quyết số 1965/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN) và Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, ĐHQGHN (theo Quyết định số 846/QĐ-ĐHL ngày 04/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, ĐHQGHN).

c, Quy chế tài chính của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN (theo Nghị quyết số 1967/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN).

d, Quy chế dân chủ của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN (theo Nghị quyết số 1968/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN).

e, Quy định về đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN (theo Quyết định số 1995/QĐ-ĐHL ngày 29/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật về

việc ban hành Quy định Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN).

f, Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Quyết định số 5190/QĐ-ĐHQGHN ngày 02/10/2025 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, số người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Luật.

g, Quy định về công tác cán bộ, nhân sự: Trường Đại học Luật thực hiện tuyển dụng nhân sự theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo Quyết định số 2088/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/04/2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động trong Đại học Quốc gia Hà Nội).

h) Các Nghị quyết của Hội đồng trường:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Tên loại và trích yếu nội dung văn bản
1	1930/NQ-HĐT	11/12/2023	Nghị quyết số 1930/NQ-HĐT ngày 11/12/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc xếp loại chất lượng năm 2023 đối với cán bộ lãnh đạo của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
2	1931/NQ-HĐT	11/12/2023	Nghị quyết số 1931/NQ-HĐT ngày 11/12/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc xếp loại chất lượng đối với cán bộ lãnh đạo của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
3	1966/NQ-HĐT	20/12/2023	Nghị quyết số 1966/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
4	1965/NQ-HĐT	20/12/2023	Nghị quyết số 1965/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
5	1967/NQ-HĐT	20/12/2023	Nghị quyết số 1967/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
6	1968/NQ-HĐT	20/12/2023	Nghị quyết số 1968/NQ-HĐT ngày 20/12/2023 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
7	836/NQ-HĐT	25/06/2024	Nghị quyết số 836/NQ-HĐT ngày 20/05/2024 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về

			việc thành lập Thường trực Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
8	1073/NQ-HĐT	31/07/2024	Nghị quyết số 1073/NQ-HĐT ngày 31/07/2024 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về Phiên họp lần thứ 8 (Phiên đột xuất) của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
9	1208/NQ-HĐT	20/08/2024	Nghị quyết số 1208/NQ-HĐT ngày 20/08/2024 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật về Phiên họp lần thứ 9 của Hội đồng trường lâm thời Trường Đại học Luật, ĐHQGHN
10	102/NQ-HĐT	21/01/2025	Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 21/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 về việc thành lập Thường trực Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 và kiện toàn Tổ xây dựng quy chế giám sát của Hội đồng trường
11	103/NQ-HĐT	21/01/2025	Nghị quyết số 103/NQ-HĐT ngày 21/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 về việc phê duyệt Kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Đại học Luật
12	104/NQ-HĐT	21/01/2025	Nghị quyết số 104/NQ-HĐT ngày 21/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
13	105/NQ-HĐT	21/01/2025	Nghị quyết số 105/NQ-HĐT ngày 21/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2024-2029 về việc ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Luật đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
14	185/NQ-HĐT	18/02/2025	Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 18/02/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc phê duyệt phương án sắp xếp tổ chức, bộ máy nhằm thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực hiện từ sau ngày 01/03/2025

15	402/NQ-HĐT	26/03/2025	Nghị quyết số 402/NQ-HĐT ngày 26/03/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc thông qua Đề án vị trí việc làm sau sắp xếp bộ máy; phương án về phương thức tuyển sinh và tổ hợp tuyển sinh; dự thảo Quy chế giám sát của HĐT; Báo cáo tài chính năm 2024
16	953/NQ-HĐT	20/06/2025	Nghị quyết số 953/NQ-HĐT ngày 20/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về các dự thảo sửa đổi, bổ sung “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN”, “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Luật, ĐHQGHN” và Dự thảo “Quy chế giám sát của Hội đồng trường Trường Đại học Luật, ĐHQGHN”
17	1476/NQ-HĐT	05/09/2025	Nghị quyết số 1476/NQ-HĐT ngày 05/09/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc thông qua Dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Luật
18	2248/NQ-HĐT	15/12/2025	Nghị quyết số 2248/NQ-HĐT ngày 15/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật về việc xếp loại chất lượng thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của lãnh đạo, quản lý Trường Đại học Luật

i, Văn bản quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính và các quy chế nội bộ khác của Nhà trường:

TT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Tên văn bản
I. Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên					
I.1	Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Bộ/Ban/Ngành				
I.2. Văn bản, tài liệu hướng dẫn của ĐHQGHN					
1	Hướng dẫn	1028/HD-ĐHQGHN	28/02/2025	ĐHQGHN	Thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội
I.3	Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Trường Đại học Luật				
1	Thông báo	819 /ĐHL-ĐT&CTHSSV	29/05/2025	Trường ĐH Luật	Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2025
2	Thông báo	322/TB-ĐHL	11/03/2025	Trường ĐH Luật	Thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2025 của Trường Đại học Luật

TT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Tên văn bản
3	Thông báo	345/TB-ĐHL	17/03/2025	Trường ĐH Luật	Thông báo tuyển sinh cử nhân văn bằng hai ngành Luật, vừa làm vừa học năm 2025
II. Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng					
II.1	Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Bộ/Ban/Ngành				
1	Thông tư	04/2025/TT-BGDĐT	17/02/2025	Bộ GD&ĐT	Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
2	Quyết định	678/QĐ-BGDĐT	14/03/2025	Bộ GD&ĐT	Về việc ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học
3	Nghị định	134/2025/NĐ-CP	12/06/2025	Chính phủ	Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.
4	Nghị định	219/2025/NĐ-CP	07/08/2025	Chính phủ	Nghị định quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
5	Nghị định	221/2025/NĐ-CP	08/08/2025	Chính phủ	Nghị định quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội
6	Nghị định	242/2025/NĐ-CP	10/09/2025	Chính phủ	Nghị định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài
7	Nghị định	249/2025/NĐ-CP	19/09/2025	Chính phủ	Nghị định quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
8	Thông tư	25/2025/TT-BGDĐT	28/11/2025	Bộ GD&ĐT	Thông tư ban hành Quy chế quản lý việc đi công tác nước ngoài của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.
9	Nghị định	313/2025/NĐ-CP	08/12/2025	Chính phủ	Nghị định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ

TT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Tên văn bản
					quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
II.2 Văn bản, tài liệu hướng dẫn của ĐHQGHN					
1	Công văn	2747/ĐHQGHN-ĐT&CTSV	29/05/2025	ĐHQGHN	Về việc cập nhật dữ liệu phục vụ xếp hạng Webometrics kỳ tháng 7/2025.
2	Công văn	3230/ĐHQGHN-ĐT&CTSV	23/06/2025	ĐHQGHN	Về việc báo cáo kết quả đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đợt 1 năm 2025.
3	Hướng dẫn	4054/HD-ĐHQGHN	30/07/2025	ĐHQGHN	Về việc rà soát việc thực hiện quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo giai đoạn 2021-2025 và xây dựng định hướng phát triển chương trình đào tạo giai đoạn 2026-2030 của Đại học Quốc gia Hà Nội.
4	Công văn	4337/ĐHQGHN-ĐT&CTSV	14/08/2025	ĐHQGHN	Về việc báo cáo kết quả tự đánh giá theo tiêu chí đại học nghiên cứu định hướng đổi mới sáng tạo năm 2025
5	Công văn	274/ĐTSKT-XHĐH	23/09/2025	ĐHQGHN	Về việc thu thập dữ liệu tham gia đánh giá THE Impact Ratings 2026.
6	Công văn	349/ĐTSKT-XHĐH	20/11/2025	ĐHQGHN	Về việc rà soát danh sách và kết nối đối tác phục vụ công tác xếp hạng năm 2026
7	Công văn	402/ĐTSKT-XHĐH	12/12/2025	ĐHQGHN	Về việc báo cáo kết quả đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đợt 2 năm 2025.
8	Công văn	6292/ĐHQGHN-ĐT&CTSV	16/12/2025	ĐHQGHN	Về việc khảo sát, đánh giá thực trạng, định hướng xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ban hành Chuẩn Cơ sở GDĐH và hoàn thiện Phân hệ đánh giá Chuẩn Cơ sở GDĐH.
II.3 Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Trường Đại học Luật					
1	Quyết định	20/QĐ-ĐHL	06/01/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành Quy trình thực hiện cải tiến chất lượng

TT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Tên văn bản
					các CTĐT sau đánh giá AUN-QA
2	Quyết định	129/QĐ-ĐHL	24/01/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành định mức, hình thức và điều kiện hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm là công bố quốc tế có uy tín hoặc các sản phẩm KH&CN ưu tiên đặt hàng của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN.
3	Quyết định	489/QĐ-ĐHL	04/04/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành hướng dẫn đăng ký điều kiện, thủ tục và quy trình quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp ĐHQGHN do Trường tự bảo đảm kinh phí thực hiện.
4	Quyết định	862/QĐ-ĐHL	09/06/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí tham dự diễn đàn, hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế
5	Quyết định	1804/QĐ-ĐHL (thay thế QĐ 489/QĐ-ĐHL)	28/10/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành Hướng dẫn đăng ký, điều kiện, thủ tục và quy trình quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội do Trường tự bảo đảm kinh phí thực hiện.

III. Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế

III.1	Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Bộ/Ban/Ngành				
1	Quyết định	213/QĐ-TTg	01/03/2024	Chính phủ	Về việc phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý
2	Nghị định	186/2025/NĐ-CP	01/07/2025	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý, sử dụng tài sản công
3	Quyết định	3531/QĐ-BTC	14/10/2025	Bộ tài chính	Về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý
III.2	Văn bản, tài liệu hướng dẫn của ĐHQGHN				

TT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Tên văn bản
1	Quyết định	2088/QĐ-ĐHQGHN	28/04/2025	ĐHQGHN	Về việc ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động trong Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Quyết định	5711/QĐ-ĐHQGHN	07/11/2025	ĐHQGHN	Về việc thành lập Ban chỉ đạo và kế hoạch tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Đại học Quốc gia Hà Nội;
III.3 Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Trường Đại học Luật					
1	Quyết định	846/QĐ-ĐHL	04/6/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Quyết định	1222/QĐ-ĐHL	02/07/2025	Trường ĐH Luật	Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và diện tích làm việc, dùng chung, chuyên dùng tại Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Quyết định	213/ĐHL-TCHC&TTPC	26/11/2025	Trường ĐH Luật	Về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kiểm kê tài sản công tại Trường Đại học Luật
4	Quyết định	2103/ĐHL-TCHC&TTPC	26/11/2025	Trường ĐH Luật	Về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kiểm kê tài sản công tại Trường Đại học Luật
VI. Phòng Kế hoạch - Tài chính					
VI.1 Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Bộ/Ban/Ngành					
1	Nghị định	238/2025/NĐ-CP	03/09/2025	Chính phủ	Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo
VI.2 Văn bản, tài liệu hướng dẫn của Trường Đại học Luật					
1	Quyết định	1696/QĐ-ĐHL	09/10/2025	Trường ĐH Luật	Ban hành mức thu học phí đối với các CTĐT của trường Đại học Luật, ĐHQGHN (Năm học 2025-2026)
2	Quyết định	1707/QĐ-ĐHL	10/10/2025	Trường ĐH Luật	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Luật, ĐHQGHN

k, Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của Trường Đại học Luật áp dụng theo các chính sách chung của ĐHQGHN. Ngoài ra, Trường Đại học Luật còn có chính sách hỗ trợ cho Giảng viên trong công bố các bài báo trong nước và quốc tế; trong việc thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, hỗ trợ nâng cao năng lực chuyên môn thông qua khóa học giảng dạy theo phương pháp LMS. Đối với cán bộ quản lý, Nhà trường hỗ trợ kinh phí tham gia học các khóa bồi dưỡng về chính trị, hoạt động kiểm định và nâng cao năng lực chuyên môn.

1, Kế hoạch và thông báo tuyển dụng năm 2025 theo Thông báo số 1387/TB-ĐHL ngày 22/08/2025 của Trường Đại học Luật về việc tuyển dụng hợp đồng lao động năm 2025 của Trường Đại học Luật.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	55.84 (5.863,3 người học quy đổi/105 GVTTG)	57.30 (5.902 người học quy đổi/103 GVTTG)
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	88.57% (93/105 GVTTG)	88.34% (91/103 GVTTG)
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	71.42% (75/105 GVTTG)	77.66% 80/103 GVTTG

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

2.2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Luật học	105	0	30	75	24	4
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Luật học	93	0	30	63	20	02

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

2.3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	10	10
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	40	41
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	47.62% (50/105 GVTTG)	49.51% (51/103 GVTTG)

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

2.4. Thống kê đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm

TT	Nội dung đào tạo	Số lượng			Hình thức	Thời gian đào tạo (Từ- đến)
		Cán bộ quản lý	Giảng viên	Chuyên viên		
1	Lớp cao cấp lý luận chính trị	01	0	0	Trực tiếp	19/05/2025
2	Lớp trung cấp lý luận chính trị	02	03	07	Trực tiếp	10/2025
3	An ninh quốc phòng đối tượng 4			01	Trực tiếp	10/2025
4	Đào tạo nghiệp vụ quản lý báo chí và tuyên truyền	07	01	02	Trực tuyến	10/2025
5	Trí tuệ nhân tạo AI	0	03	03	Trực tiếp	09-11/09/2025
6	Nghệp vụ đấu thầu	05	0	04	Trực tiếp	09-11/09/2025
7	Tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng	01	0	01	Trực tiếp	10-11/ 05/2025
8	Tập huấn công tác Hội đồng giáo sư, phó giáo sư	01	0	01	Trực tiếp	12/05/2025
9	Đào tạo bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	0	04	0	Trực tiếp	28/05-28/07/2025
10	Lớp lãnh đạo quản lý cấp vụ	01	01	0	Trực tiếp	02-17/06/2025

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

3.1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025
1	Diện tích đất/người học (m2)	0.6
2	Diện tích sàn/người học (m2)	7.94
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	95.1%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	3324.41
5	Số bản sách/người học	148.5
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	300 Mbps

(Ghi chú: Số liệu của năm báo cáo sẽ tính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

3.2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
I. Tòa nhà							
1.	Tòa nhà E1	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Sở hữu	430	4.292
2.	Tòa Nhà G3		1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Sở hữu	450	450
3.	QG-HN04	Khu đô thị Hòa Lạc	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Sở hữu	1.281	1.565
4.	Khu giáo dục thể chất, thể thao		1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	25.000	4.500
5.	Khu giáo dục thể chất, thể thao (ĐHNN)	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	1.500	5.000
6.	HT1-Sunwah	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	350	1.050
7.	Khu giáo dục Quốc phòng và An ninh	Khu đô thị Hòa Lạc	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	1.000	20.000
8.	Hội trường Nguyễn Văn Đạo	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	1.000	1.000
9.	Trung tâm thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	170	12.000
10.	Nhà khách ĐHQGHN	Khu đô thị Hòa Lạc	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	500	2.880
11.	Ký túc xá	Mỹ Đình	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	1.500	10.500
12.	Ký túc xá	Mễ Trì	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	1.250	10.000
13.	Ký túc xá	Khu đô thị Hòa Lạc	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	5.000	12.724
14.	Ký túc xá Ngoại ngữ	Số 144 Xuân Thủy, Cầu	1	Trụ sở làm việc và giảng dạy	Mượn	300	1.480

		Giấy, Hà Nội					
Tổng cộng						39.731	87.441
II. Giảng đường, phòng học							
1.	NA-101	Khu đô thị Hòa Lạc	1	Giảng dạy	Sở hữu		72
2.	NA-102		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
3.	NA-103		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
4.	NA-104		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
5.	NA-105		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
6.	NA-106		1	Giảng dạy	Sở hữu		72
7.	NA-201		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
8.	NA-202		1	Giảng dạy	Sở hữu		72
9.	NA-203		1	Giảng dạy	Sở hữu		120
10.	102	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Giảng dạy	Sở hữu		46
11.	103		1	Giảng dạy	Sở hữu		108
12.	104		1	Giảng dạy	Sở hữu		86
13.	401		1	Giảng dạy	Sở hữu		92
14.	403		1	Giảng dạy	Sở hữu		61
15.	501		1	Giảng dạy	Sở hữu		90
16.	503		1	Giảng dạy	Sở hữu		90
17.	601		1	Giảng dạy	Sở hữu		20
18.	603		1	Giảng dạy	Sở hữu		90
19.	605		1	Giảng dạy	Sở hữu		90
20.	701		1	Giảng dạy	Sở hữu		90
21.	705		1	Giảng dạy	Sở hữu		18
22.	1-G3		1	Giảng dạy	Sở hữu		162
23.	2-G3		1	Giảng dạy	Sở hữu		162
24.	419-B2		1	Giảng dạy	Sở hữu		79
25.	421- B2		1	Giảng dạy	Sở hữu		79
Tổng cộng							2.159
III. Phòng chức năng							
1.	Phòng 201	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	1	Đa năng	Sở hữu		20
2.	Phòng 215		1	Đa năng	Sở hữu		23
3.	Phòng 301		1	Đa năng	Sở hữu		23
4.	Phòng 405		1	Đa năng	Sở hữu		61
5.	Hội trường		1	Đa năng	Sở hữu		132
Tổng cộng							259
IV. Phòng làm việc							
1.	Phòng TC,HC&TTPC	Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		Phòng làm việc	Sở hữu		30
2.	Phòng TC,HC&TTPC			Phòng làm việc	Sở hữu		11
3.	Bí thư Đảng ủy			Phòng làm việc	Sở hữu		47
4.	Phòng TC,HC&TTPC			Phòng làm việc	Sở hữu		17
5.	Khoa LHP-LHC			Phòng làm việc	Sở hữu		23
6.	Khoa Luật tư			Phòng	Sở hữu		12

			làm việc			
7.	Khoa LHP-HC		Phòng làm việc	Sở hữu		23
8.	Khoa Luật tư		Phòng làm việc	Sở hữu		24
9.	Khoa Tư pháp Hình sự		Phòng làm việc	Sở hữu		23
10.	Kho lưu trữ		Phòng làm việc	Sở hữu		12
11.	Khoa LL&LSNN&PL		Phòng làm việc	Sở hữu		23
12.	Phó Hiệu trưởng		Phòng làm việc	Sở hữu		23
13.	Phòng họp		Phòng làm việc	Sở hữu		23
14.	Khoa Luật Quốc tế		Phòng làm việc	Sở hữu		24
15.	Khoa Luật tư		Phòng làm việc	Sở hữu		32
16.	Quyền Hiệu trưởng		Phòng làm việc	Sở hữu		23
17.	Phòng Kế hoạch-Tài chính		Phòng làm việc	Sở hữu		51
18.	Phòng họp		Phòng làm việc	Sở hữu		23
19.	Phòng Kế hoạch-Tài chính		Phòng làm việc	Sở hữu		15
20.	Phòng TC,HC&TTPC		Phòng làm việc	Sở hữu		28
21.	Phòng ĐT&CTHSSV		Phòng làm việc	Sở hữu		87
22.	Phòng ĐT&CTHSSV		Phòng làm việc	Sở hữu		12
23.	Phòng ĐT&CTHSSV		Phòng làm việc	Sở hữu		28
24.	Phòng ĐT&CTHSSV		Phòng làm việc	Sở hữu		25
25.	Phòng KHCHN,HTPT&ĐBCL		Phòng làm việc	Sở hữu		20
26.	Phòng TC,HC&TTPC		Phòng làm việc	Sở hữu		17
27.	Phòng KHCHN,HTPT&ĐBCL		Phòng làm việc	Sở hữu		12
28.	Phòng KHCHN,HTPT&ĐBCL		Phòng làm việc	Sở hữu		30
29.	Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ pháp lý		Phòng làm việc	Sở hữu		20

th

30.	Phòng KHCN,HTPT&ĐBCL			Phòng làm việc	Sở hữu		17
31.	Phòng chuyên gia			Phòng làm việc	Sở hữu		12
32.	Phòng giảng viên			Phòng làm việc	Sở hữu		18
33.	Phòng các Giáo sư			Phòng làm việc	Sở hữu		12
34.	Phòng TC,HC&TTPC (bộ phận CSVC, Lái xe, CNTT, Lễ tân)			Phòng làm việc	Sở hữu		20
35.	Văn phòng Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên			Phòng làm việc	Sở hữu		17
36.	Phòng phát hành học liệu và thông tin thư viện			Phòng làm việc	Sở hữu		20
37.	Phòng chờ giảng viên			Phòng làm việc	Sở hữu		15
38.	Trung tâm Luật biển và hàng hải quốc tế			Phòng làm việc	Sở hữu		20
39.	Trung tâm Luật biển và hàng hải quốc tế		Phòng làm việc	Sở hữu		20	
40.	Phòng giảng viên 1	Khu đô thị Hòa Lạc		Phòng làm việc	Sở hữu		34
41.	Phòng giảng viên 2			Phòng làm việc	Sở hữu		34
42.	Phòng hỗ trợ sinh viên			Phòng làm việc	Sở hữu		34
Tổng cộng							1.011

3.3 Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm 2025

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (VNĐ)
1	Sửa chữa giảng đường 601, 603, 701, 702 và phòng 209, 213 nhà E1 Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Nhà E1	127.851.133
2	Sửa chữa giảng đường 102, 103 và thay rèm cửa sổ phòng 305, 307 nhà E1 Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Nhà E1	127.929.644
Tổng cộng			255.780.777

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kiểm định cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và Đào tạo do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia TP HCM cấp theo Quyết định số 190/QĐ-TTKĐ ngày 25/09/2025.

(<https://drive.google.com/file/d/1fAgHzzoc2INKv2Wa6eMLN80roVU6slOi/view?usp=sharing>)

4.2. Kiểm định chương trình đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7380110QTD	Luật Kinh doanh	CTĐT chuẩn trình độ Đại học ngành Luật kinh doanh	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	02/03/2025 (đang triển khai đánh giá chu kỳ 2)
2	8380101.04	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	25/03/2027
3	8380101.03	Luật Hình sự và Tổ Tụng hình sự	CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	23/04/2028
4	8380101.05	Luật Kinh tế	CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	30/09/2028
5	7380101	Luật	CTĐT chuẩn trình độ Đại học ngành Luật	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	04/07/2029
6	8380101.02	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	Mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	04/08/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

5.1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Quy mô đào tạo	6.180	5.760
2	Số lượng nhập học mới	1.931	1.956
3	Số lượng tốt nghiệp	1.253	1.197
4	Tỉ lệ nhập học so với kế hoạch	96.79%	100.82%
5	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	98.78%	101.34%
6	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	12.42%	36%
7	Tỉ lệ thôi học	2.03%	0.43%
8	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0.31%	0.25%
9	Tỉ lệ tốt nghiệp (trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn)	74.8%	69.1%
10	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (trong thời gian tiêu chuẩn)	65.1%	61.71%
11	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên (Báo cáo khảo sát học phần đối với hệ Đại học chính quy và Sau đại học năm học 2024-2025)	90.5%	89.9%
12	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể (Báo cáo Khảo sát Cựu sinh viên K65 và Cựu học viên CTĐT ThS Luật Hiến pháp và Luật Hành chính)	84.61%	79.1%
13	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn (Khảo sát Sinh viên Đại học chính quy khóa QH2020 (K65))	80.4%	77.94%

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

5.2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Chính quy	3.935	1.089	717	93.83% (theo báo cáo khảo sát việc làm của cựu sinh viên Khóa K65)
2	Kép	587	240	124	95%
3	Vừa làm vừa học	901	273	259	100%
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	CTĐT ThS Nghiên cứu và CTĐT ThS Ứng dụng	613	298	148	100%
2	CTĐT ThS Luật Hợp tác kinh tế và Kinh doanh quốc tế (ThS liên kết)	68	35	33	100%
III	Tiến sĩ				100%
	CTĐT Tiến sĩ	144	31	5	100%
Tổng		6.180 (Không bao gồm CTĐT ThS Liên kết)	1.931 (Không bao gồm CTĐT ThS Liên kết)	1.253 (Không bao gồm CTĐT ThS Liên kết)	

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

6.1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ	5.9%	6.46%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	2.04 (214/105)	0.77 (79/103)
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.32 (34/105)	0.3 (30/103)

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

6.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2025 (VNĐ)
1	Đề tài cấp Nhà nước	8	6.519.000.000
2	Đề tài cấp bộ (ĐHQGHN)	6	5.750.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	51	2.465.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	3.437.400.000
	Tổng số	66	18.171.400.000

(Ghi chú: Số liệu các đề tài nghiên cứu tính theo giai đoạn thực hiện của đề tài dựa theo bảng Danh sách 6.4 bên dưới).

6.3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	106	49
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	34	30
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	29	0
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

(Ghi chú: Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

6.4. Danh sách nhiệm vụ khoa học công nghệ (tính theo giai đoạn thực hiện đề tài)

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
I	I. CẤP NHÀ NƯỚC									
	NĂM 2022									
1	Xây dựng mô hình hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư Mã số: 18/2022/TN	71/QĐ- HĐQL- NAFOSTED ngày 21/12/2022	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Bùi Tiến Đạt	1.PGS.TS. Bùi Tiến Đạt, CNĐT; 2.TS. Đỗ Giang Nam, TKĐT, thành viên chính; 3.PGS.TS. Mai Văn Thắng, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo, thành viên chính; 5.TS. Nguyễn Quang Đức, thành viên chính; 6.TS.	2/2023- 2/2025	955	1. Các công bố quốc tế của đề tài đóng góp vào các cuộc thảo luận mô hình hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư trên thế giới. 2. Các công bố quốc tế, công bố trong nước đóng góp vào các cuộc thảo luận và vào việc hoàn thiện nhận thức khoa học về xây dựng mô hình hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư ở Việt Nam. 3. Hình thành và phát triển hướng nghiên cứu mới trong khoa học pháp lý về mô	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín 03 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín 01 bản thảo sách chuyên khảo hoàn chỉnh đã được NXB đồng ý xuất bản Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 HVCH	Đang làm thủ tục nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Nguyễn Anh Đức, thành viên chính; 7.TS. Nguyễn Linh Giang, thành viên chính; 8.PGS.TS. Nguyễn Văn Quân, thành viên chính; 9.ThS.NCS. Nguyễn Thu Dung, thành viên chính.			hình hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư và về cơ chế đối thoại hiệu quả giữa luật công và luật tư.		
	NĂM 2023									
2	Lý thuyết và cấu trúc luật tài sản phù hợp kinh tế thị trường trong nhà nước pháp quyền ở Việt Nam Mã số: 505.01- 2021.03	14/QĐ- HĐQL- NAFOSTED ngày 26/6/2023	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Trần Kiên	1.PGS.TS. Trần Kiên, CNĐT; 2.TS. Đỗ Giang Nam, TKĐT, thành viên chính; 3.PGS.TS. Nguyễn Thị	9/2023- 9/2025	768	Đề tài dự kiến đạt được các kết quả sau: Thứ nhất: Thực trạng lý thuyết và mô hình pháp luật Việt Nam hiện hành; Thứ hai: Khung khả lý thuyết luật	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus) 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín Hỗ trợ đào	Gia hạn đến tháng 9/2026

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Quế Anh, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn, thành viên chính; 5.TS. Trương Huỳnh Nga, thành viên chính; 6.PGS.TS. Phan Quốc Nguyễn, thành viên chính; 7.TS. Ngô Thanh Hương, thành viên chính; 8.ThS. Phạm Hồ Nam, thành viên chính; 9.TS. Đào Trọng Khôi, thành			tài sản phù hợp với nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. Thứ ba: Cấu trúc luật tài sản thống nhất, khoa học Thứ tư: Luận giải về việc điều chỉnh các chế định mới nổi liên quan đến tài sản.	tạo 01 HVCH	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					viên chính; 10.CN. Nguyễn Thị Ánh Tuyết, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.					
3	Luật mềm điều chỉnh ô nhiễm môi trường biển: Luật quốc tế, Luật ASEAN và Luật Việt Nam Mã số: 505.99- 2021.04	14/QĐ- HĐQL- NAFOSTED ngày 26/6/2023	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Sơn	1.PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Sơn, CNĐT; 2.ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, TKĐT, thành viên chính; 3.PGS.TS. Nguyễn Hong Thao, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Tiến Vinh, thành viên chính; 5.TS. Vũ Hải Đăng, thành viên	9/2023- 9/2025	664	Đề tài là công trình nghiên cứu đầu tiên ở nước ta khảo sát, phân tích toàn diện, chuyên sâu về luật mềm liên quan đến việc phòng chống ô nhiễm môi trường biển ở cấp độ toàn cầu, ASEAN và Việt Nam. Thông qua đó, đề tài xây dựng nền tảng lý luận cơ bản và chuyên sâu về luật mềm, tập trung vào những vấn đề cốt lõi như: nội hàm, đặc điểm, quá trình xây dựng,	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus) 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 HVCH	Gia hạn đến tháng 9/2026

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					chính; 6.TS. Lê Thị Anh Đào, thành viên chính; 7.TS. Phạm Thị Gấm, thành viên chính; 8.ThS. Vũ Tuấn Minh, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.			hình thức, vai trò, thực thi và hiệu quả của các công cụ luật mềm trong lĩnh vực điều chỉnh phòng chống ô nhiễm môi trường biển. Đặc biệt, Đề tài hướng đến mục tiêu xây dựng Khung tiêu chí cho việc xác định luật mềm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển. Đề tài đưa ra những khuyến nghị và kết quả nghiên cứu chính của đề tài góp phần thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước Việt Nam trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, phù hợp với xu thế hội nhập và hợp		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								tác quốc tế toàn diện, có tính đến các yếu tố về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.		
4	Nguyên tắc pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp ở Việt Nam. Mã số: 505.01-2021.05	14/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 26/6/2023	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Đặng Minh Tuấn	1.PGS.TS. Đặng Minh Tuấn, CNĐT; 2.TS. Nguyễn Quang Đức, TKĐT, thành viên chính; 3.TS. Ngô Minh Hương, thành viên chính; 4.PGS.TS. Bùi Tiến Đạt, thành viên chính; 5.PGS.TS. Trương Hồ Hải, thành viên chính; 6.PGS.TS.	9/2023-9/2025	864	Báo cáo kết quả nghiên cứu và các công bố quốc tế, công bố trong nước liên quan sẽ đóng góp vào cuộc thảo luận về nguyên tắc pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp trên thế giới, đồng thời đề xuất khung nhận thức lý luận về pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện hiện nay ở Việt Nam, trên cơ sở mở ra một hướng nghiên cứu mới trong khoa học pháp lý ở Việt	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus) 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 01 HVCH	Gia hạn đến tháng 9/2026

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Nguyễn Văn Quân, thành viên chính; 7.TS. Phạm Thế Lực, thành viên chính; 8.ThS. Ngô Minh Quân và CN. Đặng Thị Ngọc Huyền, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.			Nam. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần tăng cường nhận thức khoa học về nguyên tắc pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp ở Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính, luật nhân quyền và lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.		
	NĂM 2024									
5	Xây dựng nền hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ ở Việt Nam. Mã số: 505.01-2023.04	16/QĐ- HĐQL- NAFOSTED ngày 26/3/2024	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	GS.TS. Phạm Hong Thái	1.GS.TS. Phạm Hồng Thái, CNĐT; 2.PGS.TS. Đặng Minh Tuấn, thành viên chính; 3.TS. Nguyễn Minh Tâm, TKKH,	9/2024- 9/2026	723	Đề tài là công trình nghiên cứu đầu tiên ở nước ta khảo sát, phân tích toàn diện, chuyên sâu toàn bộ các học thuyết, lý thuyết và quan điểm khoa học nổi bật về nền hành chính nhà nước	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín 03 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín 01 dự thảo sách chuyên khảo	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					thành viên chính; 4.TS. Nguyễn Anh Đức, thành viên chính; 5.TS. Nguyễn Thị Minh Hà, thành viên chính; 6.ThS. Ngô Minh Quân, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.			và đổi mới nền hành chính nhà nước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính và phục vụ. Thông qua đó, đề tài khái quát hóa những tri thức chung, phổ biến trên thế giới về mối quan hệ và sự tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền đến việc đổi mới nền hành chính nhà nước. Đề tài đánh giá ưu, nhược điểm của các luồng quan điểm, so sánh chỉ ra những bất cập, hạn chế trong nhận thức lý luận và thực tiễn về vấn đề này ở nước ta. Bên cạnh đó, đề	Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 HVCH	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								tài cũng phân tích ảnh hưởng của tư duy quản lý nhà nước truyền thống đến việc đổi mới nền hành chính nhà nước, xác định những thách thức với việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối về cải cách hành chính, đổi mới quản trị quốc gia và thể chế phát triển đất nước mà Đảng Cộng sản Việt Nam mới đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ 13 tháng 2 năm 2021 và Nghị quyết 27 năm 2022 về “Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong giai đoạn mới”.		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Đặc biệt, đề tài đề xuất khung nhận thức lý luận về chiến lược và hệ thống giải pháp tổng thể nhằm chuyển đổi tư duy và mô hình quản lý nhà nước ở nước ta, thể hiện qua việc xây dựng nền hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính		
6	Cơ chế kiểm soát quyền lực của cơ quan công tố trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam. Mã số: 505.01-2023.07	16/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 26/3/2024	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Lê Lan Chi	1.PGS.TS. Lê Lan Chi, CNĐT; 2.PGS.TS. Mai Văn Thắng, TKKH, thành viên chính; 3.GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, thành viên chính;	9/2024-9/2026	625	Đề tài khái quát hoá những cơ chế kiểm soát quyền lực của cơ quan công tố phổ biến trên thế giới, đánh giá ưu, nhược điểm của những cơ chế này. Đề tài cũng là công trình nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam đưa ra khung lý	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế khác 03 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín 01 sách chuyên khảo	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					4.TS. Lương Thanh Hải, thành viên chính; 5.ThS. NCS. Mai Thanh Sơn, thành viên			thuyết về cơ chế kiểm soát quyền lực của cơ quan công tố, trên cơ sở phân tích các quan điểm khoa học, các thể chế pháp lý tiêu biểu về kiểm soát quyền lực của cơ quan công tố trên thế giới, từ đó kết quả nghiên cứu của đề tài đem lại các giá trị tham khảo hữu ích và cần thiết cho Việt Nam.	Hỗ trợ đào tạo 03 HVCH	
	NĂM 2025									
7	Hoàn thiện hệ thống pháp luật phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay. Mã số: 505.01- 2024.01	97/QĐ- HĐQL- NAFOSTED ngày 31/12/2024	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh	1.PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh, CNĐT; 2.TS. Phạm Lương Khiển, TKĐT, thành viên chính; 3.TS. Đỗ	3/2025- 3/2027	800	Đề tài khái quát hoá những nhận thức lý luận về pháp luật để phát triển kinh tế xanh; khái quát các quan điểm, tiêu chuẩn và tiếp cận quốc tế về lĩnh vực này; đánh giá ưu,	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín 01 bản thảo sách chuyên khảo	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Giang Nam, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Văn Quân, thành viên chính; 5.TS. Đỗ Việt Cường, thành viên chính; 6.TS. Nguyễn Anh Đức, thành viên chính; 7.TS. Nguyễn Thị Trang Thanh, thành viên chính; 8.ThS.NCS. Đặng Thị Mỹ Hạnh, thành viên chính.			nhược điểm của các luồng quan điểm, so sánh chỉ ra những bất cập, hạn chế trong nhận thức lý luận về vấn đề này ở nước ta. Đề tài cũng phân tích quá trình tiếp nhận và ảnh hưởng của các tư tưởng và tiêu chuẩn quốc tế về pháp luật phát triển kinh tế xanh đến Việt Nam, từ nhận thức lý luận đến thực tiễn, xác định những rủi ro do nhận thức mang tính bộ phận, riêng lẻ - với việc thể chế hoá các quan điểm, đường lối, chính sách có liên quan của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Những	Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 HVCH	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								khoảng trống nhận thức và pháp lý cũng được làm rõ thêm qua so chiếu với pháp luật về kinh tế xanh của một số quốc gia trên thế giới. Đặc biệt đề tài cũng nhấn mạnh việc tiếp cận pháp luật đi cùng với tuân thủ, thực thi – điều còn chưa phổ biến ở Việt Nam, coi đó là quan điểm cốt lõi tạo nên thành công cho hệ thống pháp luật về kinh tế xanh.		
8	Pháp quyền khí hậu: Cơ sở lý luận, đối sánh quốc tế và định hướng thể chế hóa tại Việt Nam. Mã số: 505.01-2025.33	61/QĐ- HDQL- NAFOSTED ngày 15/12/2025	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	TS. Đỗ Việt Cường	1.TS. Đỗ Việt Cường, CNDT; 2.NCS. Vũ Thị Nga, TKĐT, thành viên	12/2025- 12/2028	1120	Là một đề tài nghiên cứu cơ bản loại hình thăm dò – khám phá, đề tài dự kiến tạo ra các kết quả học thuật mới sau đây:	02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín 02 bài báo công bố trên tạp chí trong nước	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					chính; 3.GS.TS. Vũ Công Giao, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh, thành viên chính; 5.PGS.TS. Bùi Tiến Đạt, thành viên chính; 6.NCS. Đỗ Thị Hà, thành viên chính; 7.Phương Nam, thành viên chính; 8.ThS. Vũ Thị Bích Hường, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ			• Xây dựng khái niệm học thuật độc lập về "pháp quyền khí hậu", dựa trên phân tích lý luận và phản biện các trường phái pháp quyền hiện hữu trong điều kiện khủng hoảng khí hậu toàn cầu; • Hệ thống hóa cấu trúc pháp lý của quyền khí hậu và nghĩa vụ khí hậu trong nhà nước pháp quyền hiện đại, phân biệt rõ với các quyền và nghĩa vụ môi trường truyền thống; • Phân tích và làm rõ khái niệm "tư pháp khí hậu", vai trò kiểm soát quyền lực công của tòa án trong lĩnh vực khí	Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 HVCH	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								hậu, trên cơ sở tổng hợp và đánh giá xu hướng án lệ khí hậu quốc tế; • Xây dựng khung phân tích so sánh các mô hình pháp quyền khí hậu trên thế giới, phân loại ba mô hình chính (hiến định hóa, luật khung, tư pháp hóa), từ đó rút ra nguyên lý cải cách phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; • Đề xuất lộ trình thể chế hóa pháp quyền khí hậu tại Việt Nam, bao gồm các giai đoạn pháp điển hóa, hiến định hóa và hội nhập tài phán khí hậu, gắn với các điều kiện chính trị –		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								pháp lý, hành chính – thực thi, và tri thức – xã hội.		
II	CẤP BỘ/CẤP ĐHQGHN									
	NĂM 2022									
1	Biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức tuyên truyền về sáng chế, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý trong các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới và về quản lý tài sản trí tuệ ở trong nước và nước ngoài. Mã số: QG.22.58	QĐ số 1606/QĐ- ĐHQGHN ngày 16/5/2022	ĐHQGHN	PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh/ TS. Nguyễn Thị Lan (từ ngày 31/3/2025)	1.PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh, CNDT; 2.TS. Nguyễn Bích Thảo, TKĐT, thành viên chính; 3.TS. Đỗ Giang Nam, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Sơn, thành viên chính; 5.TS. Nguyễn Thị Phương Châm,	6/2023- 6/2026	4200	Nâng cao nhận thức về hoạt động SHTT, đặt biệt là về các cam kết liên quan đến sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trong các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới cho các nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, chủ sở hữu hoặc các chủ thể quản lý các tài sản trí tuệ qua đó hình thành tư duy kết nối các hoạt động SHTT trong quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa vị; đổi mới sáng tạo, chuyển	1.07 cuốn tài liệu về các cam kết liên quan đến bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trong các FTA thể hệ mới; 2.07 Chương trình tập huấn tương ứng với từng nhóm đối tượng: - Cán bộ quản lý Nhà nước ở Trung ương; - Cán bộ quản lý Nhà	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					thành viên chính; 6.TS. Nguyễn Anh Đức, thành viên chính; 7.TS. Nguyễn Thị Phương Châm, thành viên chính; 8.TS. Mai Văn Thắng, thành viên chính; 9.TS. Trần Anh Tú, thành viên chính; 10.TS. Trần Thu Hạnh, thành viên chính; 11.ThS. Đỗ Thị Hạnh, thành viên chính; 12.ThS.			giao công nghệ, thương mại, dịch vụ, cạnh tranh trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. - Nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiên cứu triển khai trong các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp thông qua việc nâng cao nhận thức về mối liên hệ giữa hoạt động nghiên cứu triển khai với tạo dựng, xác lập, khai thác thương mại và bảo vệ tài sản trí tuệ; - Trang bị các kiến thức chuyên sâu về tạo lập, quản lý, khai thác thương mại và bảo vệ tài sản trí tuệ cho các chủ sở hữu hoặc quản	nước ở địa phương; -Viện nghiên cứu, trường đại học; -Cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ; -Hiệp hội, hội ngành nghề; -Doanh nghiệp khởi nghiệp; -Doanh nghiệp xuất nhập khẩu. 3.16 Lớp tập huấn, mỗi lớp từ 30-50 học viên 4. Chuyên mục: Các cam kết về sở hữu trí tuệ trong các FTA thể hệ mới trên tạp	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Nguyễn Việt Hà, thành viên chính; 13.ThS. Nguyễn Thanh Hằng, thành viên chính; 14.TS. Không Quốc Minh, thành viên chính; 15.ThS. Bùi Khánh Linh, thành viên chính; 16.TS. Nguyễn Thị Hong Hạnh, thành viên chính; 17.TS. Nguyễn Hải An, thành viên chính; 18.PGS. TS. Phan Quốc			lý tài sản trí tuệ như nhận diện các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược xác lập quyền, chuyên giao tài sản trí tuệ, các biện pháp tự bảo vệ tài sản trí tuệ; khuyến khích và nâng cao số lượng tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được đăng ký bảo hộ trong nước và nước ngoài; hạn chế tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do ở Việt Nam...; - Trang bị những kiến thức chuyên sâu về thực thi	chí chuyên ngành về khoa học và công nghệ hoặc về pháp luật: - 03 bài viết nghiên cứu khoa học (tối thiểu 900 chữ/bài) -03 bài viết thể loại báo chí chính lược (tối thiểu 900 chữ/bài) -08 tin (tối thiểu 500 chữ/tin); 5.Chuyên mục: Đăng ký bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài trên báo/tạp chí dành cho	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Nguyễn, thành viên; 19.ThS. Đặng Thị Mỹ Hạnh, thành viên; 20. ThS. Mai Thanh Sơn, thành viên; 21.ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, thành viên; 22.Th.S Vũ Thị Thảo, thành viên; 23.Cử nhân Nguyễn Ngọc Chiến, thành viên; 24. Cử nhân Hoàng Mai Chi, thành viên.			quyền SHTT nói chung và về sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nói riêng cho các cán bộ thực thi như xác định hành vi xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo SHTT, cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHTT, xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp hành chính, dân sự, hình sự, kiểm soát biên giới v.v...; - Kết quả của nhiệm vụ có thể được sử dụng cho các ngành, địa phương để xây dựng và tổ chức các khoá đào tạo về sở hữu trí tuệ cho các đối tượng thuộc địa	doanh nghiệp: -06 bài viết thể loại báo chí chính luận (tối thiểu 900 chữ/bài) -08 tin (tối thiểu 500 chữ/tin); 6.Chuyên mục: Sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 trên Website của Đại học Quốc gia Hà Nội: - 10 bài viết thể loại báo chí chính luận -10 tin (tối thiểu 500 chữ/tin)	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								phương, lĩnh vực quản lý của mình.H21		
2	Hoàn thiện pháp luật về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Mã số: QG.22.59	QĐ số 1607/QĐ- ĐHQGHN ngày 16/5/2022	ĐHQGHN	PGS.TS. Phan Quốc Nguyễn	1.PGS.TS. Phan Quốc Nguyễn, CNĐT; 2.ThS. Vũ Thị Bích Hường, TKĐT, thành viên chính; 3.TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng, thành viên chính; 4.TS. Nguyễn Thị Phương Châm, thành viên chính; 5.TS. Đỗ Giang Nam, thành viên chính; 6.TS. Vương	5/2022- 5/2024	350	Trên cơ sở phân tích các quy định pháp lý hiện hành về khai thác thương mại sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo tại Việt Nam cùng với việc khảo sát thực tiễn, nghiên cứu pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số quốc gia về khai thác thương mại sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo, đề tài đã đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện pháp luật khai thác thương mại sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.	03 Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus; 01 Báo cáo Đề xuất giải pháp tổng thể và cụ thể hoàn thiện hệ thống pháp luật khai thác thương mại sáng chế; Hỗ trợ đào tạo 01 HVCH	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Thanh Thúy, thành viên chính; 7.TS. Nguyễn Hoàng Hạnh, thành viên chính; 8.ThS. Vũ Thị Hoàng Mai, thành viên chính; 9.TS. Vũ Tuấn Anh, thành viên chính; 10.ThS. Phùng Minh Hải, thành viên chính.					
	NĂM 2023									
3	Nghiên cứu giải pháp tổ chức hoạt động pháp chế ở ĐHQGHN trong bối cảnh mới. Mã số: QG.23.58	QĐ số 1494/QĐ- ĐHQGHN ngày 27/4/2023	ĐHQGHN	TS. Trần Trí Trung	1.TS. Trần Trí Trung, CNĐT; 2.TS. Vĩnh Bảo Ngọc, thành viên; 3.TS. Nguyễn	4/2023- 4/2025	300	Đề tài giúp nhận diện những điểm mạnh, hạn chế trong tổ chức và hoạt động pháp chế tại ĐHQGHN, mà còn đề xuất các	01 Báo cáo hiện trạng về tổ chức hoạt động pháp chế ở ĐHQGHN; 01 Báo cáo kết quả	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Son, thành viên; 4.TS. Vũ Đăng Phúc, thành viên; 5.ThS. Phùng Văn Trường, thành viên; 6.ThS. Đoàn Thị Thái, thành viên; 7.ThS. Đặng Đình Cường, thành viên; 8.ThS. Tiêu Thị Hà Phương, thành viên; 9.CN. Dương Trọng Khang, thành viên; 10.ThS. Trần Thị Lâm, thành viên.			giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác pháp chế, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị đại học, đẩy mạnh tự chủ và hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện mô hình tổ chức pháp chế tại ĐHQGHN, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, tăng cường trách nhiệm giải trình, đồng thời tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.	nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn về hoạt động pháp chế; 01 Báo cáo đề xuất, kiến nghị một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác pháp chế; 01 Dự thảo quy định về tổ chức hoạt động pháp chế ở ĐHQGHN	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	NĂM 2024									
4	Xây dựng pháp luật trong bối cảnh nền kinh tế số: lý luận, thực tiễn ở một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam. Mã số: QG.24.66	QĐ số 1932/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/5/2024	ĐHQGHN	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh	1.PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh, CNĐT; 2.NCS. Đặng Thị Mỹ Hạnh, TKĐT, thành viên chính; 3.PGS.TS. Nguyễn Văn Quân, thành viên chính; 4.TS. Hoàng Thị Lan, thành viên chính; 5.NCS. Hà Thu Trang, thành viên chính; 6.TS. Nguyễn Việt Phương, thành viên chính;	5/2025-5/2027	250	Là đề tài đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số. Tính mới của đề tài thể hiện ở khía cạnh tiếp cận từ xây dựng pháp luật, đặt trong bối cảnh kinh tế số và đo đếm, đánh giá hiệu quả của xây dựng pháp luật trong bối cảnh mới. Đề tài cũng là nghiên cứu đầu tiên đánh giá thực trạng xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam; Đề tài cũng nghiên cứu những mô hình, cách thức xây dựng pháp luật hiện đại – gắn với	01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống Scopus 01 Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) Hỗ trợ đào tạo 02 NCS và 01 HVCH	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					7.TS. Phạm Lương Khiển, thành viên chính;			kinh tế số như Không gian pháp lý thử nghiệm (Regulatory Sandbox), sử dụng kết hợp luật mềm (Soft law). Các nghiên cứu về xây dựng pháp luật đã có, những nghiên cứu về kinh tế số cũng bắt đầu hình thành, nhưng nghiên cứu về xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số - là một nghiên cứu toàn diện và lần đầu tiên được đề cập trong đề tài.		
	NĂM 2025									
5	Thẩm quyền của tòa án giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài	QĐ số 6184/QĐ- ĐHQGHN ngày 24/12/2024	ĐHQGHN	TS. Lê Thị Anh Xuân	1.TS. Lê Thị Anh Xuân, CNDT; 2.PGS.TS. Nguyễn	5/2025- 5/2027	350	Là đề tài đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về việc xác định thẩm quyền quốc tế của tòa án khi	01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống Scopus	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Mã số: QG.25.89				Tiến Vinh, thành viên chính; 3.TS. Nguyễn Thái Mai, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo, thành viên chính; 5.TS. Hà Thị Nguyệt Thu, thành viên chính; 6.PGS.TS. Ngô Quốc Chiến, thành viên chính; 7.TS. Lý Vân Anh, thành viên chính; 8.ThS.NCS. Nguyễn Thị Khánh, TKĐT,			giải quyết các tranh chấp về SHTT có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0. Đề tài sẽ cung cấp thông tin một cách khái quát nhất cả về cơ sở lý luận, pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia cũng như kinh nghiệm thực tiễn tại các quốc gia trong việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp về SHTT xuyên biên giới làm tiền đề cho những nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện pháp luật tổ tụng dân sự của Việt Nam về vấn đề này. Đồng thời, đề tài cũng sẽ nghiên	01 Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phân biện) 01 SCK trong nước (Hợp đồng xuất bản) Hỗ trợ đào tạo 02 NCS	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					thành viên chính; 9.ThS.NCS. Chu Thị Thom, thành viên chính;			cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn của Việt Nam trong việc xác định thẩm quyền của tòa án giải quyết tranh chấp về SHTT có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh CMCN 4.0 làm cơ sở đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật về xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp loại này.		
6	Pháp luật về bảo vệ quyền của người bệnh trong bối cảnh phát triển/ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Mã số: QG.25.164	QĐ số 6226/QĐ- ĐHQGHN ngày 24/12/2024	ĐHQGHN	TS. Nguyễn Thị Phương Châm	1.TS. Nguyễn Thị Phương Châm, CNĐT; 2.ThS. Vũ Thị Bích Hường, thư ký đề tài; 3.PGS.TS. Nguyễn	8/2025- 8/2027	300	Là đề tài đầu tiên ở Việt Nam rà soát tác động của trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số tới quyền của người bệnh từ khía cạnh nhận diện rủi ro đến phân tích khung pháp lý hiện hành của	01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống Scopus Hỗ trợ đào tạo 01 NCS	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
					Bích Thảo, thành viên chính; 4.PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo, thành viên chính; 5.TS. Đỗ Giang Nam, thành viên chính; 6.TS. Ngô Thanh Hương, thành viên chính; 7.TS. Hồ Anh Tuấn, thành viên; 8.TS. Trương Huỳnh Nga, thành viên; 9.TS. Đào Trọng Khôi, thành viên;			Việt Nam. Kế thừa các nghiên cứu trước đây, đề tài tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu khía cạnh khoa học pháp lý, đạo đức y khoa để nhận diện rõ bản chất pháp lý mối quan hệ giữa người bệnh và các tổ chức khám chữa bệnh/người thực hành nghề y. Từ đó chỉ ra những thiết sót trong khung pháp lý hiện hành của Việt Nam, đặc biệt khung pháp lý được đặt trước những thách thức mới của phát triển khoa học công nghệ như AI, chuyển đổi số		
III.	CẤP CƠ SỞ									
	NĂM 2023									

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
1	Tự do tư tưởng ở Việt Nam : Lịch sử, hiện trạng và xu hướng phát triển. Mã số: ĐHL.23.02.QT	QĐ số 1178/QĐ- ĐHL ngày 17/8/2023	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	GS.TS. Vũ Công Giao	GS.TS.Vũ Công Giao	8/2023- 02/2025	40	Nội dung chính của đề tài bao gồm một mục giới thiệu tổng quan, sau đó là các mục về tự do tư tưởng trong lịch sử và hiện tại ở Việt Nam, chia theo các vấn đề như chính sách, pháp luật, thực tiễn, trong đó trọng tâm là tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do ngôn luận và báo chí.	01 Chương sách chuyên khảo xuất bản tại NXB quốc tế	Đã nghiệm thu - Đạt
	NĂM 2024									
2	Pháp luật quốc tế về phòng, chống mua bán phụ nữ trẻ em xuyên biên giới và một số kinh nghiệm với Việt Nam. Mã số: ĐHL.24.01	QĐ số 40/QĐ-ĐHL ngày 05/01/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Phương Thảo	NCS. Nguyễn Phương Thảo	01/2024- 01/2025	20	Là công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về hoàn thiện pháp luật phòng, chống MBPNTTE xuyên biên giới, nên kết quả nghiên cứu	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (93 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								của đề tài có những đóng góp cho khoa học chuyên ngành		
3	Cơ chế bảo đảm liên chính trong hoạt động của toà án ở Việt Nam hiện nay. Mã số: DHL.24.02	QĐ số 213/QĐ- ĐHL ngày 29/02/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	ThS.NCS. Nguyễn Thị Hoài Phương	ThS.NCS. Nguyễn Thị Hoài Phương	02/2024- 02/2025	30	Về mặt thời gian, đề tài nghiên cứu các cơ chế bảo đảm liên chính trong hoạt động của toà án ở Việt Nam và những tham khảo trên bình diện quốc tế từ quá khứ đến hiện tại, song tập trung vào giai đoạn hiện nay. Về mặt không gian, đề tài tập trung nghiên cứu các cơ chế bảo đảm liên chính trong hoạt động của toà án ở Việt Nam làm trọng tâm; nhưng trong quá trình nghiên cứu có mở rộng phân tích các vấn	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (87 trang) 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								đề lý luận và thực tiễn liên quan trên bình diện thế giới để thực hiện phân tích so sánh. Về mặt nội dung, đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về các cơ chế bảo đảm liên chính trong hoạt động của toà án ở Việt Nam hiện nay.		
4	Pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại Việt Nam. Mã số: DHL.24.03.QT	QĐ số 214/QĐ-ĐHL ngày 29/02/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	TS. Nguyễn Vinh Hưng	TS. Nguyễn Vinh Hưng	02/2024-08/2025	40	Đề tài nhằm phân tích các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động chào bán trái phiếu doanh	01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống WoS/Scopus nhưng chưa được xếp hạng	Dừng thực hiện

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								nghiệp ra công chúng tại Việt Nam		
5	Luật quốc tế về tàu mặt nước tự vận hành. Mã số: DHL.24.04.QT	QĐ số 215/QĐ- ĐHL ngày 29/02/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Đỗ Việt Cường	TS. Đỗ Việt Cường, CNDT ThS.Trần Trung Nguyên, TKĐT, thành viên chính	02/2024- 08/2025	75	Nội dung nghiên cứu của đề tài bao gồm cơ sở lý luận về MASS; quá trình hình thành, phát triển, triển vọng trong tương lai và những tác động tới Việt Nam. Bên cạnh đó, đề tài cũng tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật quốc tế, bao gồm các quy định pháp lý được ban hành bởi IMO, pháp luật của các quốc gia tiên phong trong lĩnh vực này, đánh giá pháp luật Việt Nam và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam dưới tác	01 bài báo khoa học đăng trên Tập chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Chưa nghiệm thu-Gia hạn 6 tháng

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								động của sự xuất hiện và nổi lên của MASS		
6	Gợi ý thành lập Tòa án Thương mại Quốc tế tại Việt Nam. Mã số: DHL.24.05.QT	QĐ số 216/QĐ- ĐHL ngày 29/02/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Đặng Văn Quân	TS. Đặng Văn Quân	02/2024- 08/2025	60	đề tài nghiên cứu này là nhằm đề xuất, gợi ý thiết kế cho Tòa án Thương mại Quốc tế tại Việt Nam thông qua việc phân tích những điểm mạnh, điểm hạn chế của các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống, đánh giá hiện trạng lĩnh vực giải quyết tranh chấp tại Việt Nam, phân tích điều kiện kinh tế- xã hội-chính sách, điều kiện đảm bảo cho đề xuất và học hỏi, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q3. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Chưa nghiệm thu-Gia hạn 9 tháng

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								dựng tòa án thương mại quốc tế tại một số nước		
7	Bảo vệ môi trường trong đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Phân tích pháp lý từ Hiệp định CPTPP và EVIPA. Mã số: DHL.24.06.QT	QĐ số 217/QĐ- ĐHL ngày 29/02/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	ThS.NCS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1.ThS.NCS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, CNĐT 2.TS. Đỗ Việt Cường, thành viên chính 3.ThS. Nguyễn Thị Khánh, TKĐT, thành viên chính; 4.ThS. Nguyễn Thanh Hà, thành viên chính	02/2024- 08/2025	75	đề tài hướng tới mục tiêu cuối cùng là đề xuất các khuyến nghị phù hợp và hiệu quả cho Việt Nam trong việc thực thi Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVIPA liên quan đến khía cạnh đầu tư nước ngoài bền vững tại Việt Nam	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Chưa nghiệm thu-Gia hạn 9 tháng
8	Khung pháp luật về chuyển đổi số trong	QĐ số 1428/QĐ-	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	ThS.NCS. Lê Thị	ThS.NCS. Lê Thị	9/2024- 9/2025	20	Đề đạt được mục đích nêu trên, đề tài hướng đến	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên	Đã nghiệm

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam. Mã số: ĐHL.24.08	ĐHL ngày 23/9/2024		Hoàng Minh	Hoàng Minh			giải quyết các nhiệm vụ sau: - Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan đến khung pháp luật về chuyển đổi số trong hoạt động hành chính nhà nước - Phân tích thực trạng khung pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật để chuyển đổi số trong hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay. - Đề xuất một số quan điểm, kiến nghị hoàn thiện khung pháp luật và giải pháp thực tiễn nhằm thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số trong hoạt động hành chính nhà nước ở Việt	cứu của đề tài (133 trang)	thu - Đạt

th

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Nam trong thời gian tới.		
9	Chính sách, pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài: Từ thực tiễn các cơ cở giáo dục đại học công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh. Mã số: ĐHL.24.09	QĐ số 1429/QĐ- ĐHL ngày 23/9/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	ThS.NCS. Nguyễn Võ Anh	ThS.NCS. Nguyễn Võ Anh	9/2024- 9/2025	20	Đề tài làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách, pháp luật về thu hút và trọng dụng nhân tài, từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách này tại các CSGDDHCL trên địa bàn TP.HCM.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (166 trang); 01 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	Đã nghiệm thu - Đạt
10	Bảo đảm quyền giáo dục ở Trung Quốc và những giá trị tham khảo cho Việt Nam. Mã số: ĐHL.24.10	QĐ số 1442/QĐ- ĐHL ngày 25/9/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Nguyễn Minh Tâm	TS. Nguyễn Minh Tâm	9/2024- 3/2026	30	Đề tài nghiên cứu về quyền giáo dục được bảo vệ trong nhiều văn kiện nhân quyền quốc tế và hiến pháp quốc gia cũng như sự thực thi quyền này ở Trung Quốc - quốc gia có thể	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (86 trang) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								chế chính trị và văn hoá khá tương đồng với Việt Nam, nhằm củng cố và làm rõ nhận thức về nội hàm, bản chất của quyền giáo dục cũng như các nghĩa vụ quốc gia trong việc thực thi quyền này. Qua nghiên cứu, đề tài đánh giá và trình bày rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong việc bảo đảm và thực thi quyền giáo dục ở Trung Quốc. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất những giá trị tham khảo cho Việt Nam trong bối cảnh thúc đẩy bảo đảm sự thực thi quyền giáo		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								dục cũng như các quyền hiến định khác trong Hiến pháp năm 2013, hướng tới xây dựng nền văn hoá nhân quyền ở Việt Nam.		
11	Pháp luật về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác trong bối cảnh cải cách mô hình tổ chức kinh doanh ở Việt Nam. Mã số: DHL.24.11.QT	QĐ số 1474/QĐ-DHL ngày 30/9/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	ThS.NCS. Nguyễn Đăng Duy	1.ThS.NCS. Nguyễn Đăng Duy, CNĐT; 2.TS. Nguyễn Vinh Hung, thành viên	9/2024-3/2026	75	Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài như sau: - Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ hợp tác, tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. -Phân tích các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và đặc biệt chú trọng đến các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác, để từ đó, xác định những hiệu	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								quả, hạn chế. - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác tại Việt Nam.	bằng tiếng Việt).	
12	Sự phát triển của bình đẳng giới và phong trào nữ quyền ở Việt Nam. Mã số: DHL.24.12.QT	QĐ số 1473/QĐ- ĐHL ngày 30/9/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Ngô Thị Minh Hương	TS. Ngô Thị Minh Hương	9/2024- 3/2026	75	Đề tài xây dựng cơ sở lý luận khoa học về bình đẳng giới và nữ quyền ở Việt Nam và sự thay đổi của bình đẳng giới và phong trào nữ quyền ở Việt Nam từ các khía cạnh văn hoá, lịch sử và chính trị. Cụ thể, Nghiên cứu này tìm hiểu bình đẳng giới Việt Nam dưới ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo và chủ nghĩa cộng sản. Nghiên cứu cũng phân tích	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ	Chưa nghiệm thu- Gia hạn 6 tháng

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								tác động của các sự kiện lịch sử, như chiến tranh và những thay đổi hệ tư tưởng chính trị và pháp luật quốc tế về quyền con người v.v đến động lực giới và nhận thức về nữ quyền. Thêm vào đó nghiên cứu còn cung cấp một góc nhìn về các phong trào nữ quyền và quyền phụ nữ đương đại ở Việt Nam, so sánh và phân biệt với các khung lý thuyết về nữ quyền phương Tây.	bằng tiếng Việt).	
13	Quá trình xây dựng Luật Sở hữu trí tuệ ở Việt Nam: Từ kinh nghiệm thuộc địa đến	QĐ số 1443/QĐ-ĐHL ngày 25/9/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	PGS.TS. Trần Kiên	PGS.TS. Trần Kiên	9/2024-3/2026	160	Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu sau: Thứ nhất: khảo sát, thu thập và phân tích một	01 Sách chuyên khảo do nhà xuất bản quốc tế có uy tín – Springer	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	xã hội chủ nghĩa 1864 – 1994. Mã số: DHL.24.13.QT							cách toàn diện và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các công trình khoa học trong và ngoài nước về quá trình hình thành và phát triển của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam từ 1864 tới 1994. Thứ hai: nghiên cứu, phân tích việc ban hành, áp dụng và tác động của các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ trong bối cảnh đặc thù về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Thứ ba: nghiên cứu, đánh giá mô hình pháp luật về pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam từ năm 1864 tới	Nature xuất bản. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								1994; qua đó đưa ra các bài học kinh nghiệm cũng như xây dựng khung lý thuyết mới.		
14	Bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong lao động: Trường hợp của Việt Nam. Mã số: DHL.24.14.QT	QĐ số 1445/QĐ-DHL ngày 25/9/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	TS. Nguyễn Thanh Huyền	TS. Nguyễn Thanh Huyền	9/2024-3/2026	60	Đề tài làm rõ cơ sở lý luận của pháp luật về bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong lao động - So sánh đối chiếu quy định pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong lao động với tiêu chuẩn lao động quốc tế về bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp - Đánh giá và nhận diện những hạn chế của pháp	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q3. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								luật Việt Nam, cũng như việc thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong lao động trong thực tiễn. - Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong lao động.		
15	Sự đồng ý có hiểu biết trong bảo vệ quyền của người bệnh: Biện minh đạo đức và Lý thuyết pháp lý. Mã số: ĐHL.24.15.QT	QĐ số 1446/QĐ-ĐHL ngày 25/9/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	TS. Nguyễn Thị Phương Châu	1.TS. Nguyễn Thị Phương Châu, CNĐT; 2.ThS. Vũ Thị Bích Hương, TKĐT	9/2024-3/2026	75	Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu sau: Thứ nhất: nghiên cứu, phân tích một cách toàn diện khung lý thuyết nền tảng liên quan đến quyền của người bệnh trong tương quan với thuật	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo	Chưa nghiệm thu

th

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								ngữ sự đồng ý có hiểu biết ở cả hai khía cạnh đạo đức và pháp lý; khảo sát, thu thập và tìm kiếm kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến quyền của người bệnh trong tương quan sự đồng ý có hiểu biết, tôn trọng; Thứ hai: nhận diện rõ tác động của trí tuệ nhân tạo đối với quyền của người bệnh và chỉ ra những rủi ro, thách thức đối với nghiệm vụ cơ bản bảo vệ quyền của người bệnh Thứ ba: nghiên cứu, đánh giá sơ bộ về quyền của người bệnh và sự đồng ý có hiểu biết ở Việt Nam,	trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								trọng tâm đặt vào quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân của người bệnh.		
16	Chế độ trách nhiệm quan lại nửa đầu triều Nguyễn và các giá trị kế thừa. Mã số: DHL.24.16	QĐ số 2075/QĐ-ĐHL ngày 11/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Trần Tuấn Kiệt	NCS. Trần Tuấn Kiệt	12/2024-12/2025	60	Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, khảo cứu và đánh giá chế độ trách nhiệm quan lại nửa đầu triều Nguyễn	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Chưa nghiệm thu-Gia hạn 6 tháng
17	Quyền cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam hiện nay. Mã số: DHL.24.17	QĐ số 2076/QĐ-ĐHL ngày 11/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Thị Yên Nga	NCS. Nguyễn Thị Yên Nga	12/2024-12/2025	60	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam hiện nay, đồng thời phân tích quyền cư trú của người nước ngoài theo pháp luật Quốc tế và những giá trị tham khảo cho Việt Nam. Bên	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								cạnh đó, đề tài phân tích thực trạng quy định pháp luật về quyền cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, nhằm làm nền tảng hoàn thiện pháp luật, bảo đảm quyền cư trú của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam		
18	Một số vấn đề lý luận về bị hại là cá nhân trong tổ tụng hình sự. Mã số: ĐHL.24.18	QĐ số 2077/QĐ-ĐHL ngày 11/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Mai Thanh Sơn	NCS. Mai Thanh Sơn	12/2024-12/2025	60	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu một vấn đề lý luận về bị hại là cá nhân trong lịch sử tổ tụng hình sự của một số quốc gia điển hình và Việt Nam, qua đó xây dựng cơ sở lý thuyết liên quan đến một số vấn đề về bị hại là cá nhân trong tổ tụng hình sự, làm	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								nền tảng để có thể hoàn thiện cơ sở pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam nhằm bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại khi tham gia vào quá trình tổ tụng hình sự.		
19	Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân từ góc nhìn so sánh. Mã số: ĐHL.24.19	QĐ số 2124/QĐ-ĐHL ngày 18/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Phạm Văn Chính	NCS. Phạm Văn Chính	12/2024-12/2025	20	Đề tài nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân tích kinh nghiệm lập pháp của các hệ thống tiêu biểu trên thế giới như GDPR của EU, PIPL của Trung Quốc và pháp luật phân mảnh của Hoa Kỳ và đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (104 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
20	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường tại Tây Nguyên. Mã số: ĐHL.24.20	QĐ số 2125/QĐ- ĐHL ngày 18/12/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Hà Viết Toàn	NCS. Hà Viết Toàn	12/2024- 12/2025	20	Đề tài hướng đến giải quyết các nhiệm vụ sau: - Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về chế độ, chính sách, quản lý và cơ chế trong sử dụng và quản lý nguồn nhân lực trong lĩnh vực BVMT. - Phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực trong BVMT tại Tây Nguyên. - Đề xuất một số quan điểm, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao năng lực thực hiện pháp luật	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (66 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								BVMT tại Tây Nguyên.		
21	Hoàn thiện pháp luật về giám sát của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đối với văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam. Mã số: DHL.24.21	QĐ số 2126/QĐ-ĐHL ngày 18/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Hà Thu Trang	NCS. Hà Thu Trang	12/2024-12/2025	20	Nghiên cứu phân tích, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, xác định những kết quả nghiên cứu mà luận án sẽ kế thừa và chỉ ra được những vấn đề mà các công trình khoa học chưa giải quyết, cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án. Làm rõ quá trình phát triển của pháp luật về giám sát của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đối với VBQPPL; thực trạng quy định pháp luật và tổ chức thực hiện	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								pháp luật về giám sát của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đối với VBQPPL. Nghiên cứu, đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về giám sát của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đối với VBQPPL.		
22	Các tội phạm về mại dâm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và giải pháp hoàn thiện pháp luật. Mã số: DHL.24.22	QĐ số 2127/QĐ-ĐHL ngày 18/12/2024	Trưởng DH Luật-ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Văn Tùng	NCS. Nguyễn Văn Tùng	12/2024-12/2025	20	Đề đạt được mục đích nghiên cứu, quá trình nghiên cứu đề tài làm rõ các nhiệm vụ: + Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về các tội phạm về mại dâm trong LHS, quy định các tội phạm về mại dâm trong PLHS một số quốc gia trên	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (90 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam. + Phân tích quy định các tội phạm về mại dâm trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và thực tiễn áp dụng quy định các tội phạm này trên phạm vi cả nước, từ đó đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế. + Phân tích, làm rõ những yêu cầu, đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định các tội phạm về mại dâm trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017		

th

	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
Đề tài nghiên cứu và thực hiện về kỹ thuật lập pháp tại Việt Nam. Mã số: ĐHL.24.23	QĐ số 2128/QĐ-ĐHL ngày 18/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Đỗ Thị Bảo Yến	NCS. Đỗ Thị Bảo Yến	12/2024-12/2025	20	Đề đạt được mục đích nêu trên, đề tài hướng đến giải quyết các nhiệm vụ sau: Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận về kỹ thuật lập pháp, đó là khái niệm, vai trò của kỹ thuật lập pháp, phân biệt kỹ thuật lập pháp với kỹ thuật pháp lý; nội dung kỹ thuật lập pháp, khái quát về lịch sử hình thành của khoa học nghiên cứu về kỹ thuật lập pháp. Thứ hai, phân tích thực tiễn về kỹ thuật lập pháp Việt Nam, soi chiếu trong một số quy phạm pháp luật cụ thể. Thứ ba, đề xuất định hướng, giải	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (73 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								pháp đề từng bước xây dựng khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận của kỹ thuật lập pháp và giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai.		
24	Pháp luật của một số quốc gia khu vực ASEAN về quyền và nghĩa vụ người lao động nước ngoài và các giá trị tham khảo cho Việt Nam. Mã số: DHL.24.24	QĐ số 2162/QĐ-ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Trần Thị Ngọc Diệp	NCS. Trần Thị Ngọc Diệp	12/2024-12/2025	20	Đề tài tập trung vào các quy định pháp lý liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động nước ngoài và các văn bản hướng dẫn liên quan tại các quốc gia được chọn; tình hình thực tiễn trong việc thực hiện các quy định này, bao gồm cả trải nghiệm của người lao động, phản hồi từ chủ sử dụng lao động, và các tổ chức	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (89 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								bảo vệ quyền lợi. Phân tích sự tương đồng và khác biệt trong quy định của các quốc gia, nhằm chỉ ra những điểm mạnh và điểm yếu trong hệ thống pháp luật của từng quốc gia		
25	Pháp luật về quản lý ngoại hối trong lĩnh vực vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp qua thực tiễn thành phố Hà Nội. Mã số: ĐHL.24.25	QĐ số 2163/QĐ- ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Đỗ Ngọc Dung	NCS. Đỗ Ngọc Dung	12/2024- 12/2025	20	Đề tài nghiên cứu tổng quan hệ thống pháp luật liên quan đến Quản lý Ngoại hối; quản lý ngoại hối trong lĩnh vực vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp; bộ máy nhà nước thực hiện Quản lý Ngoại hối; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực vay, trả nợ nước ngoài.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (113 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
26	Trách nhiệm pháp lý của thương nhân trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam hiện nay. Mã số: DHL.24.26	QĐ số 2164/QĐ-ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Đái Thị Thanh Giang	NCS. Đái Thị Thanh Giang	12/2024-12/2025	20	Đề tài nghiên cứu vấn đề trách nhiệm pháp lý của thương nhân trong bối cảnh kinh tế số trên phương diện pháp lý và thực tiễn thực hiện.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu
27	Kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân twhowng mại trong thi hành án dân sự theo pháp luật Việt Nam. Mã số: DHL.24.27	QĐ số 2165/QĐ-ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Hoàng Thị Thanh Hoa	NCS. Hoàng Thị Thanh Hoa	12/2024-12/2025	20	Đề tài nghiên cứu vấn đề kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân thương mại trong thi hành án dân sự theo phương diện pháp lý và thực tiễn thực hiện pháp luật	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (114 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt
28	Hình thức chất vấn ở Quốc hội Việt Nam : Hiện trạng và những khuyến nghị để áp dụng tốt. Mã số: DHL.24.28	QĐ số 2166/QĐ-ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Hồ Thị Hương	NCS. Hồ Thị Hương	12/2024-12/2025	20	Đề tài tập trung nghiên cứu việc áp dụng các hình thức chất vấn của Quốc hội Việt Nam với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, đồng thời có tham khảo các quy tắc và thực	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (107 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								trạng áp dụng các hình thức chất vấn của một số Quốc hội/Nghị viện trên thế giới (Anh, Australia, Canada)		
29	Vai trò của luật sư trong hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam. Mã số: DHL.24.29	QĐ số 2167/QĐ- ĐHL ngày 26/12/2024	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Khánh Linh	NCS. Nguyễn Khánh Linh	12/2024- 12/2025	20	Đề tài tập trung vào các quy định pháp lý liên quan đến quyền và nghĩa vụ của luật sư trong hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam bao gồm: Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, đại diện ngoài tổ tụng; tình hình thực tiễn trong việc thực hiện các quy định này để chỉ ra những điểm mạnh và điểm yếu trong hệ thống pháp luật	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (117 trang); 01 bài báo quốc tế	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								của Việt Nam đối với hoạt động trợ giúp pháp lý của Việt Nam để từ đó đưa ra các giải pháp kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng luật sư và hoàn thiện hệ thống pháp luật về luật sư, trợ giúp pháp lý và tổ tưng để phát huy vai trò của luật sư trong hoạt động trợ giúp pháp lý		
	NĂM 2025									
30	Phòng, chống tham nhũng trong Quốc triều hình luật và một số kinh nghiệm cho công cuộc phòng chống tham nhũng hiện nay. Mã số: ĐHL.25.01	QĐ số 158/QĐ- ĐHL ngày 10/02/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Thái Doãn Thành	NCS. Thái Doãn Thành	02/2025- 01/2026	20	Đề tài “Phòng, chống tham nhũng trong Quốc triều hình luật và một số kinh nghiệm cho công cuộc phòng chống tham nhũng hiện nay” hướng tới phân tích và đánh giá các quy định liên quan đến phòng	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (104 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								chống tham nhũng trong Quốc triều hình luật nhằm tìm ra các giá trị tham khảo, kinh nghiệm phù hợp cho công cuộc phòng chống tham nhũng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay		
31	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn Tội buôn lậu trong luật hình sự Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.02	QĐ số 415/QĐ- ĐHL ngày 27/3/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Văn Hiếu	NCS. Nguyễn Văn Hiếu	3/2025- 01/2026	20	Trên cơ sở phân tích, làm rõ lý luận về tội phạm buôn lậu, đề tài nghiên cứu tội buôn lậu trong BLHS năm 2015 để làm rõ những tồn tại, hạn chế trong quy định và thực tiễn áp dụng, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015 về tội buôn lậu.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (85 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
32	Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.03	QĐ số 416/QĐ- ĐHL ngày 27/3/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Trịnh Đức Hiếu	NCS. Trịnh Đức Hiếu	3/2025- 7/2025	20	đề tài tập trung nghiên cứu pháp luật các quốc gia được lựa chọn, có kinh nghiệm lập pháp tiên tiến, đại diện cho Châu Âu và Châu Á gồm Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (92 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt
33	Kinh nghiệm phòng chống tham nhũng trong thời kỳ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX và một số gợi mở cho Việt Nam hiện nay. Mã số: ĐHL.25.04.QT	QĐ số 647/QĐ- ĐHL ngày 29/4/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	PGS.TS. Đỗ Đức Minh	1.PGS.TS. Đỗ Đức Minh, CNDT; 2.PGS.TS. Nguyễn Anh Cường, thành viên chính; 3.ThS. Ngô Minh Quân, thành viên	4/2025- 10/2026	100	Khái quát tiên trình lịch sử phong kiến Việt Nam thời kỳ tự chủ; Đặc điểm, nội dung và nguyên nhân tình trạng tham nhũng dưới chế độ phong kiến; Các giải pháp phòng chống tham nhũng của các triều đại phong kiến	01 bài báo khoa học đăng trên Tập chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện,	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Những giá trị bài học kinh nghiệm phòng chống tham nhũng trong thời kỳ phong kiến tự chủ và gợi mở đối với công cuộc phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	
34	Giáo dục về Quyền Con Người: Góc Nhìn của Việt Nam. Mã số: DHL.25.05.QT	QĐ số 799/QĐ-DHL ngày 27/5/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	GS.TS. Vũ Công Giao	GS.TS. Vũ Công Giao	5/2025-11/2026	100	Đề tài tập trung phân tích cơ sở lý luận – pháp lý, thực trạng triển khai và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục nhân quyền ở Việt Nam	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
									cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	
35	Pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Trung Quốc và một số khuyến nghị cho Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.06	QĐ số 813/QĐ- ĐHL ngày 29/5/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Phạm Lương Khiển	TS. Phạm Lương Khiển	5/2025- 5/2026	40	Nghiên cứu về tình hình tham nhũng và Pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Trung Quốc hiện nay. - Nghiên cứu về những thành tựu và hạn chế, những ưu, nhược điểm của hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Trung Quốc - Đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong công cuộc phòng chống tham nhũng hiện nay	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
36	Đổi mới giải thích pháp luật ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế và một số gợi mở cho Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.07.QT	QĐ số 814/QĐ- ĐHL ngày 29/5/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Phạm Thị Duyên Thảo	TS. Phạm Thị Duyên Thảo	5/2025- 01/2026	70	Làm rõ cơ sở lý luận của việc đổi mới giải thích pháp luật ở Việt Nam; Làm rõ yêu cầu của bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế đối với việc phải đổi mới giải thích pháp luật ở Việt Nam; Làm rõ thực trạng và những bất cập của giải thích pháp luật ở Việt Nam hiện nay Chỉ rõ những thay đổi cần thiết để hoạt động giải thích pháp luật ở Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế;	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q4. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Nhận diện sự vận động, phát triển của hoạt động giải thích pháp luật ở một số nước trên thế giới, nhất là những nước có cùng mô hình giải thích pháp luật như Việt Nam, làm cơ sở tham khảo, đổi mới; Đề xuất một số giải pháp khả thi để có thể đổi mới được giải thích pháp luật ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế; phục vụ các mục tiêu phát triển đất nước...		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
37	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất phương án xây dựng chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế tại Trường Đại học Luật, ĐHQGHN. Mã số: ĐHL.24.08	QĐ số 821/QĐ-ĐHL ngày 30/5/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	TS. Nguyễn Lê Thu	1.TS. Nguyễn Lê Thu, CNĐT; 2.PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo, thành viên; 3.TS. Nguyễn Thị Lan, thành viên; 4.ThS. Trịnh Quốc Đạt, TKĐT	5/2025-5/2026	150	Xây dựng Đề án gồm các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm xây dựng chương trình đào tạo chuẩn quốc tế tại Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Đề án xây dựng chương trình đào tạo chuẩn quốc tế tại Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Chưa nghiệm thu
38	Góc nhìn của các nước tiếp nhận đầu tư về các bất cập và xu hướng phát triển của cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư: trường hợp của Việt Nam và Indonesia. Mã số: ĐHL.25.09.QT	QĐ số 889/QĐ-ĐHL ngày 11/6/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	ThS. Trần Trung Nguyên	ThS. Trần Trung Nguyên	6/2025-12/2026	80	Phân loại và đánh giá ảnh hưởng của cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (cơ chế ISDS) lên các nước tiếp nhận đầu tư - Phân tích các hướng tiếp cận và biện pháp đối phó với ảnh hưởng từ cơ chế ISDS trong hai trường	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q3. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện,	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								hợp Việt Nam và Indonesia. - Phân tích xu hướng giải quyết vấn đề của cơ chế ISDS hiện tại trên thế giới mà Việt Nam và Indonesia có tham gia	phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	
39	Xu hướng nhân đạo hoá trong quy định của bộ luật hình sự Việt Nam: thực trạng và định hướng hoàn thiện. Mã số: ĐHL.25.10	QĐ số 911/QĐ-ĐHL ngày 13/6/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Vũ Thị Thủy	NCS. Vũ Thị Thủy	6/2025-01/2026	20	Đề tài đánh giá thực trạng thể hiện xu hướng nhân đạo hoá trong các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam qua các thời kỳ, từ đó đề xuất định hướng hoàn thiện nhằm bảo đảm quyền con người, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (96 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt
40	Pháp luật về tố cáo trong Tổ tụng Hình sự Việt Nam:	QĐ số 1260/QĐ-ĐHL ngày 01/8/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Bùi Thị Dung	NCS. Bùi Thị Dung	8/2025-01/2026	20	Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và pháp luật của tố cáo trong tố tụng	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu	Đã nghiệm thu - Đạt

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật. Mã số: ĐHL.25.11							hình sự; Đánh giá thực trạng pháp luật; Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi.	cứu của đề tài (98 trang)	
41	Mô hình kiểm soát tính công bằng của hợp đồng theo mẫu trong pháp luật Việt Nam: Triết lý và định hướng cải cách. Mã số: ĐHL.25.12	QĐ số 1412/QĐ- ĐHL ngày 27/8/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	TS. Đỗ Giang Nam	TS. Đỗ Giang Nam	8/2025- 8/2026	50	Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề lớn sau đây: - Những vấn đề lý luận về triết lý và mô hình kiểm soát tính công bằng của hợp đồng theo mẫu - Kinh nghiệm quốc tế về mô hình kiểm soát tính công bằng của hợp đồng theo mẫu	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								- Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về kiểm soát tính công bằng của hợp đồng theo mẫu - Định hướng và kiến nghị cải cách mô hình kiểm soát tính công bằng của hợp đồng theo mẫu trong pháp luật Việt Nam		
42	Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay. Mã số: DHL.25.13	QĐ số 1413/QĐ-ĐHL ngày 27/8/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	GS.TS. Phạm Hồng Thái	1.GS.TS. Phạm Hồng Thái, CNĐT; 2.TS. Nguyễn Quang Đức, TKĐT	8/2025-8/2026	50	Làm rõ những vấn đề lý luận về trách nhiệm kỷ luật của công chức, đánh giá thực trạng pháp luật, thực tiễn kỷ luật công chức, đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
43	Thực trạng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về người bị buộc tội và đề xuất giải pháp hoàn thiện. Mã số: ĐHL.25.14	QĐ số 1430/QĐ- ĐHL ngày 28/8/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Huỳnh Trung Trực	NCS. Huỳnh Trung Trực	8/2025- 10/2025	20	Đề tài làm rõ, đầy đủ nội hàm người bị buộc tội theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Bộ luật TTHS năm 2015 bao gồm: khái niệm và đặc điểm của từng đối tượng bị buộc tội, khái niệm chung về người bị buộc tội trong luật TTHS; thực trạng quy định của pháp luật TTHS về người bị buộc tội và đề xuất hoàn thiện quy định về người bị buộc tội trong luật TTHS	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài (96 trang)	Đã nghiệm thu - Đạt
44	Pháp luật về Quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.15	QĐ số 1709/QĐ- ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Phương Uyên	NCS. Nguyễn Phương Uyên	10/2025- 10/2026	20	Đề tài làm rõ nội hàm và cơ sở pháp lý của quyền tham gia của trẻ em: Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích phân	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								tích cách thức các quốc gia quy định quyền tham gia của trẻ em trong luật pháp quốc gia, từ đó hiểu rõ các nguyên tắc, cơ sở pháp lý và cách thức tổ chức thực hiện quyền này. - Đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật và thực tiễn thực hiện quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam: Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề tài đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện cơ chế pháp lý, chính sách, hướng dẫn thực hiện và giám sát quyền tham gia của trẻ em, bảo đảm trẻ em được tham gia đầy đủ, hiệu quả và phù		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								hợp với thông lệ quốc tế.		
45	Hoạt động trợ giúp pháp lý bảo đảm quyền của người khuyết tật từ thực tiễn thành phố Hà Nội. Mã số: DHL.25.16	QĐ số 1710/QĐ-ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Nguyễn Văn Hà	NCS. Nguyễn Văn Hà	10/2025-10/2026	20	Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động trợ giúp pháp lý dưới góc độ pháp luật và thực tiễn, với trọng tâm là cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, công bằng, bình đẳng cho người khuyết tật	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu
46	Nhận diện và phòng, chống tham nhũng trong thực hiện quyền sử dụng đất ở Việt Nam. Mã số: DHL.25.17	QĐ số 1711/QĐ-ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Lương Phi Hồ	NCS. Lương Phi Hồ	10/2025-10/2026	20	Đề tài tập trung nghiên cứu: Các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến quản lý đất đai và phòng, chống tham nhũng, bao gồm Luật Đất đai, Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Thực tiễn nhận diện, phòng ngừa và xử lý tham nhũng trong lĩnh vực đất đai ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ khi Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực đến nay. Kinh nghiệm PCTN đất đai của một số quốc gia có hệ thống quản trị và cơ chế kiểm soát tham nhũng tiên tiến, đại diện cho các khu vực khác nhau, gồm Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc và một số quốc gia châu Âu nhằm so sánh, rút ra bài học vận dụng phù hợp với bối cảnh Việt Nam.		

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
47	Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay. Mã số: DHL.25.18	QĐ số 1712/QĐ-ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	NCS. Lương Tuấn Nghĩa	NCS. Lương Tuấn Nghĩa	10/2025-10/2026	20	Đề tài nghiên cứu về biện pháp xử phạt VPHC trong hoạt động TMĐT được giới hạn là các hoạt động trên các sàn giao dịch TMĐT và các hoạt động của doanh nghiệp trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử	01 Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài	Chưa nghiệm thu
48	Cam kết chuyển dữ liệu xuyên biên giới trong CPTPP: Cách tiếp cận của các quốc gia đang phát triển tại Châu Á. Mã số: DHL.25.19.QT	QĐ số 1713/QĐ-ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	ThS. Nguyễn Đức Anh	1.ThS. Nguyễn Đức Anh, CNĐT; 2.ThS. Nguyễn Thị Khánh, TKĐT	10/2025-4/2027	100	Thứ nhất, chỉ ra những khó khăn pháp lý và giải thích vì sao các quy định chuyển giao dữ liệu xuyên biên giới trong CPTPP là chưa có tính trùm đối với quốc gia đang phát triển (Việt Nam, Malaysia và Brunei). Thứ hai, xem xét liệu các quốc gia đang phát triển có	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								thể viện dẫn các ngoại lệ về an ninh quốc gia và chính sách công để nhằm hạn chế chuyển giao dữ liệu cá nhân hay không? Nếu có ở mức độ nào? Thứ ba, dựa trên phân tích thực tiễn của 3 quốc gia Việt Nam, Malaysia và Việt Nam đối với cam kết về dữ liệu trong CPTPP, liệu thực tiễn của ba quốc gia này đưa ra hàm ý gì để hướng tới một Hiệp định thương mại số toàn cầu mà trong đó điều khoản về dữ liệu phù hợp với quốc gia đang phát triển.	pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
49	Vai trò của án lệ hành chính trong xu hướng mở rộng sự giám sát của Tòa án đối với quyền hành pháp. Mã số: ĐHL.25.20.QT	QĐ số 1714/QĐ- ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	PGS.TS. Bùi Tiến Đạt	1.PGS.TS. Bùi Tiến Đạt, CNDT; 2.ThS. Vũ Thị Nga, TKĐT, thành viên	10/2025- 4/2027	100	Đề tài tập trung làm rõ vai trò của án lệ hành chính trong việc mở rộng sự giám sát của Tòa án đối với quyền hành pháp, bao gồm: cơ sở lý luận, thực trạng pháp lý và thực tiễn áp dụng, cũng như đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng án lệ hành chính tại Việt Nam trong yêu cầu kiểm soát quyền hành pháp	01 bài báo khoa học đăng trên Tập chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	Chưa nghiệm thu
50	Hiện tượng Treaty shopping trước sự phát triển của thị trường carbon: Những	QĐ số 1715/QĐ- ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	ThS. Nguyễn Thị Khánh	1.ThS. Nguyễn Thị Khánh, CNDT; 2.CN. Nguyễn	10/2025- 4/2029	100	Đề tài hướng đến việc dự đoán xu hướng vận động của hiện tượng treaty shopping trong bối cảnh thị	01 bài báo khoa học đăng trên Tập chí thuộc danh mục	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
	thách thức và hệ quả pháp lý. Mã số: DHL.25.21.QT				Linh Ngọc, TKĐT			trường carbon đang phát triển nhanh chóng trên toàn cầu, đặc biệt khi các quốc gia, bao gồm Việt Nam, đẩy mạnh chính sách chuyển dịch xanh và định giá carbon. Điều này cho thấy sự giao thoa giữa cơ chế bảo hộ đầu tư trong các hiệp định đầu tư quốc tế (IIAs) và các chính sách khí hậu mới như hệ thống giao dịch phát thải (ETS), cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM), tín chỉ carbon, v.v... Thông qua đó, đề tài hướng đến mục tiêu tổng quát là làm rõ mối quan hệ giữa	WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q2. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện, phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								treaty shopping và các chính sách liên quan đến thị trường carbon, từ đó nhận diện các nguy cơ, hệ quả pháp lý và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm bảo vệ không gian chính sách quốc gia trong khi vẫn đảm bảo thu hút đầu tư bền vững.		
51	Mô hình tổ tụng đại diện ở một số quốc gia trên thế giới và triển vọng ở Việt Nam. Mã số: ĐHL.25.22.QT	QĐ số 1716/QĐ- ĐHL ngày 13/10/2025	Trường ĐH Luật- ĐHQGHN	PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo	1.PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo, CNDT; 2.TS. Ngô Thanh Hương, TKĐT, thành viên chính	10/2025- 4/2027	70	Làm rõ những vấn đề lý luận về tổ tụng đại diện từ góc nhìn so sánh, góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận pháp luật tổ tụng dân sự ở Việt Nam và bác bỏ quan niệm chưa chuẩn xác về tổ tụng đại diện ở Việt Nam. - Góp phần cung cấp các luận cứ	01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus và được SCIMAGO xếp hạng Q4. 01 báo cáo trình bày tiến trình thực hiện,	Chưa nghiệm thu

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								khoa học cho việc xây dựng mô hình tổ tụng đại diện trong tổ tụng dân sự Việt Nam	phương pháp, kết quả nghiên cứu chính và các đề xuất khác (không quá 6000 từ bằng tiếng Việt).	
IV.	ĐỀ TÀI HỢP TÁC QUỐC TẾ	Hợp đồng giữa Trường Đại học Luật, ĐHQGHN và CSIRO ký ngày 15/11/2027	CV 543/ĐHQGHN- HT&PT về việc ký kết Hợp đồng KHCN&ĐMST với Cơ quan khoa học và công nghệ quốc gia Úc	- PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh (chủ trì) - PGS.TS. Nguyễn Bích Thảo (đồng chủ trì)	- TS. Đỗ Giang Nam - TS. Ngô Thanh Hương - TS. Nguyễn Anh Đức - TS. Đỗ Việt Cường - TS. Lê Thị Anh Xuân - ThS. NCS. Nguyễn Thị Khánh - ThS. NCS. Đặng Minh Phương - ThS. NCS. Nguyễn Thị Yên	02/12/2025- 15/11/2027	3.437,4	+Tạo lập các nhận định dựa trên bằng chứng từ việc áp dụng thực tiễn các nguyên tắc RAI: Thông qua việc áp dụng các nguyên tắc và khuôn khổ RAI được xây dựng từ Giai đoạn 1, Giai đoạn 2 sẽ cung cấp các phân tích về cách thức các nguyên tắc RAI có thể được lồng ghép và đánh giá trong các trường hợp ứng dụng AI (nghiên cứu tình	-Báo cáo cập nhật nghiên cứu về RAI; -Các ý kiến và đóng góp đối với bản hướng dẫn cập nhật của Bộ KH&CN về nghiên cứu và phát triển các hệ thống AI có trách nhiệm (nếu được CSIRO yêu cầu tại thời điểm thích hợp); -01 báo cáo/sách	Đang triển khai

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								huống) trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và nông nghiệp. +Xác định và nhân rộng các bài học kinh nghiệm rút ra từ việc áp dụng các nguyên tắc RAI: Các thách thức, thành công và thực tiễn tốt trong việc áp dụng các nguyên tắc RAI trong bối cảnh Việt Nam, có tính đến các đặc thù về văn hóa, xã hội và pháp lý, sẽ được thảo luận và phổ biến. Bên cạnh đó, dự án hướng tới việc thúc đẩy học hỏi liên ngành, với sự tham gia của các bên liên quan trong ba lĩnh vực khác nhau.	toàn diện nhằm xây dựng nền tảng tri thức và thúc đẩy RAI tại Việt Nam; -01 bản kiến nghị chính sách cung cấp các cơ sở lý luận và thực tiễn cho Bộ KH&CN về RAI, làm nguồn tư liệu đầu vào phục vụ việc hoàn thiện khuôn khổ quản lý của Bộ đối với RAI; -Báo cáo tổng hợp case studies về áp dụng các nguyên tắc RAI	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								Những điểm tương đồng và khác biệt trong việc triển khai RAI sẽ được xác định, qua đó thúc đẩy sự hiểu biết toàn diện hơn về việc triển khai trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. +Thúc đẩy các đối thoại chính sách chuyên sâu về RAI: Các kết quả của dự án sẽ đóng vai trò là bằng chứng và đầu vào cho các cuộc đối thoại chính sách về cách thức điều chỉnh AI một cách hiệu quả nhất, qua đó góp phần hoàn thiện các hướng dẫn về RAI và các văn bản pháp lý có	trong ba lĩnh vực; -01 bản hướng dẫn về RAI cho các trường đại học ở Việt Nam; -01 báo cáo/tài liệu thảo luận chính sách nhằm hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc phát triển RAI; -16 cuộc phỏng vấn chuyên sâu với các chuyên gia; -3 hội thảo trong nước, 1 hội thảo quốc tế; - 6 tọa đàm;	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								liên quan tại Việt Nam. +Nâng cao năng lực của các chủ thể đổi mới sáng tạo: Các đối tác của dự án sẽ được tiếp cận và phát triển các năng lực khác nhau trong suốt quá trình triển khai dự án, chẳng hạn như kỹ năng nghiên cứu và quản lý, kiến thức và thực tiễn mới nổi về RAI. Hoạt động đào tạo sẽ đóng vai trò trung tâm nhằm hỗ trợ các đối tác trong suốt quá trình thực hiện. Một báo cáo tổng hợp hoặc một cuốn sách ghi nhận và phổ biến tri thức về RAI sẽ là một trong những sản	-3 chương trình đào tạo kèm theo tài liệu giảng dạy và 4 khóa đào tạo về RAI cho các bên liên quan trong 3 lĩnh vực được lựa chọn (nông nghiệp, y tế và giáo dục); -Truyền thông về RAI trên các báo điện tử và tạp chí khoa học - gồm các bài viết và tin tức trên phương tiện truyền thông.	

ST	Tên mã	QĐ phê duyệt/ giao thực hiện		Người chủ trì	Thành viên tham gia	Thời gian thực hiện (Từ-Đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
								phẩm đầu ra cuối cùng của dự án. +Tăng cường hợp tác liên ngành: Sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhóm nghiên cứu của ITI và UoL (đều trực thuộc ĐHQGHN) sẽ bảo đảm cách tiếp cận toàn diện, kết hợp các cân nhắc pháp lý và đạo đức với những hiểu biết thực tiễn về triển khai.		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

7.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	25 %	38 %
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	7 %	20 %

(Ghi chú: - Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025;
- Số liệu năm trước liền kề sẽ tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024).

7.2. Mức thu học phí, lệ phí

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm báo cáo (NH 2025- 2026)	Năm liền kề (NH 2024- 2025)
A	ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM			
I	HỌC PHÍ HỆ CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ			
I.I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023) trở về trước			
1	Tiến sỹ	(đồng/năm)	51.675.000	42.300.000
2	Thạc sỹ	(đồng/năm)	31.005.000	25.380.000
3	Đại học	(đồng/năm)		
3.1	Cử nhân chính quy - ngành Luật học, LKD, TMQT	(đồng/năm)	20.670.000	16.920.000
3.2	Cử nhân chính quy CLC theo TT 23	(đồng/năm)	35.000.000	35.000.000
I.II	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2023-2024) trở đi			
1	Tiến sỹ	(đồng/năm)	67.575.000	59.925.000
2	Thạc sỹ	(đồng/năm)	40.545.000	35.955.000
3	Đại học			
3.1	Cử nhân chính quy - ngành Luật học, TMQT	(đồng/năm)	27.030.000	23.970.000
3.2	Cử nhân chính quy - ngành Luật kinh doanh	(đồng/năm)	28.620.000	25.380.000
3.3	Cử nhân chính quy CLC	(đồng/năm)	31.800.000	28.200.000
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác			

1	Cử nhân VB kép (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023) trở về trước	đồng/tín chỉ	470.000	470.000
2	Cử nhân VB kép (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2023-2024) trở đi			
2.1	Bằng kép ngành Luật kinh doanh	đồng/tín chỉ	761.000	715.000
2.2	Bằng kép ngành Luật học	đồng/tín chỉ	806.000	675.000
III	Học phí hệ vừa học vừa làm			
1	Cử nhân vừa làm vừa học (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023) trở về trước			
1.1	Cử nhân VLVH bằng 1	(đồng/năm)	31.005.000	25.380.000
1.2	Cử nhân VLVH bằng 2	(đồng/năm)	31.005.000	25.380.000
2	Cử nhân vừa làm vừa học (Đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2023-2024) trở đi			
2.1	Cử nhân VLVH bằng 2	(đồng/năm)	40.545.000	35.955.000
B	ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI			
1	Tiến sỹ	đồng (USD)/năm	101.362.500	4.330
2	Thạc sỹ	đồng (USD)/năm	60.817.500	2.600
3	Cử nhân chính quy hệ chuẩn	đồng (USD)/năm	40.545.000	1.730
4	Cử nhân chính quy hệ CLC TT23	đồng (USD)/năm	52.500.000	2.640
5	Cử nhân chính quy hệ CLC khóa tuyển sinh 2023	đồng (USD)/năm	47.700.000	2.350
6	Cử nhân văn bằng 2 VLVH	đồng (USD)/năm	60.817.500	2.600
C	ĐỐI VỚI CTĐT THẠC SĨ LIÊN KẾT	USD/năm	2.500	2.500

(Ghi chú: - Số liệu học phí tính theo năm học;

- Số liệu của năm báo cáo tính từ 01/09/2025 đến 31/08/2026;

- Số liệu năm trước liền kề báo cáo tính từ 01/09/2024 đến 31/08/2025;

- Mức học phí năm 2024 đối với người nước ngoài được tính theo USD (Mỹ)).

7.3. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2025 (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	171.474	146.049
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0

II	Thu giáo dục và đào tạo	163.718	139.919
1	Học phí, lệ phí từ người học	162.250	138.495
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	500	600
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác (cấp bù học phí)	968	824
III	Thu khoa học và công nghệ	2.670	2.233
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2.570	1.970
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	100	263
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	5.086	3.897
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	166.528	80.927
I	Chi lương, thu nhập	40.932	33.932
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	23.375	19.879
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	17.557	14.053
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	36.262	34.228
1	Chi cho chuyên môn đào tạo	16.842	13.793
2	Chi cho nghiên cứu	7.927	6.598
3	Chi cho phát triển đội ngũ	386	135
4	Chi phí chung và chi khác	11.107	13.702
III	Chi hỗ trợ người học	12.459	9.816
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	7.702	5.858
2	Chi hoạt động nghiên cứu	4.757	3.958
3	Chi hoạt động khác	0	0
IV	Chi khác	318	2.951
V	Trích lập các quỹ	76.557	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	5.081	63.434

(Ghi chú: - Chênh lệch thu chi năm 2024 có sự khác biệt so với năm 2025 là do thay đổi phương pháp hạch toán kế toán theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính;

- Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025;
- Số liệu năm trước liền kề sẽ tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024).

7.4. Kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

TT	Nội dung	Năm 2025 (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)
I	Đại học	7.789	5.826
1	Trợ cấp	219	130
2	Miễn, giảm học phí	968	824
3	Học bổng	6.602	4.872
II	Thạc sĩ	100	0
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng	100	0
III	Tiến sĩ	0	0
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng	0	0

(Ghi chú: - Số liệu năm báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025;

- Số liệu năm trước liền kề sẽ tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024).

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm 2025 Trường Đại học Luật, ĐHQGHN luôn tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN trong triển khai và thực hiện các nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị đầu mối cụ thể như sau:

1. Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên:

Phòng ĐT&CTHSSV hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm là các hoạt động trong công tác tuyển sinh, tổ chức nhập học, cấp văn bằng chứng chỉ đối với các hệ đào tạo theo đúng kế hoạch, tiến độ chung của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật.

* *Đối với hệ đại học chính quy:* Tổ chức nhập học cho 1.089 sinh viên chương trình đào tạo thứ nhất khóa QH-2025 và 240 sinh viên chương trình đào tạo thứ hai (Văn bằng kép); Triển khai kế hoạch đào tạo năm học 2025–2026 đúng tiến độ; Tổ chức xét tốt nghiệp các đợt tháng 3, 6, 9, 12 với tổng số 717 cử nhân chương trình đào tạo thứ nhất và 124 cử nhân chương trình đào tạo thứ hai.

* *Đối với hệ sau đại học:* Tổ chức nhập học cho 298 học viên các chương trình đào tạo Thạc sĩ và 31 nghiên cứu sinh các chương trình đào tạo Tiến sĩ; Xét tốt nghiệp cho 148 học viên các chương trình đào tạo Thạc sĩ và 5 nghiên cứu sinh các chương trình đào tạo Tiến sĩ.

* *Đối với hệ đại học vừa làm vừa học:* Tổ chức nhập học cho 273 sinh viên; Xét tốt nghiệp cho 259 sinh viên.

2. Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng

* *Đối với công tác Nghiên cứu khoa học, Hợp tác phát triển*

- Ban hành và triển khai Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045; Chiến lược phát triển Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.

- Hoàn thành vượt kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (14 hội thảo quốc tế, 45 hội thảo, tọa đàm trong nước). Tổ chức thành công Diễn đàn khoa

học trẻ toàn quốc Luật học Mùa Xuân lần thứ hai với chủ đề “Pháp luật trong bối cảnh phát triển mới của đất nước” - Diễn đàn cho sinh viên, học viên, NCS dưới 35 tuổi của các cơ sở đào tạo luật trong cả nước (tháng 4/2025); Diễn đàn Luật học Mùa Thu lần thứ Năm với chủ đề “Pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước” (tháng 8/2025).

- Ký kết Thỏa thuận hợp tác với 04 đối tác quốc tế gồm: Viện quốc tế nhất thể hoá Luật tư (Unidroit); Trường Đại học Melbourne (Úc); Trường Đại học Polynesie (Pháp); Trường Đại học Kinh tế Luật Zhongnan. Ký kết Thỏa thuận hợp tác với 04 đối tác trong nước gồm: Viện Phát triển nguồn lực xã hội Phương Nam; Trung tâm trọng tài quốc tế VIAC; Học viện Tư pháp; Công ty cổ phần truyền thông Luật Việt Nam.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu công bố quốc tế uy tín do ĐHQGHN giao năm 2025.

** Đối với công tác Đảm bảo chất lượng:*

- Hoàn thành công tác đánh giá và kiểm định cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lần đầu tiên đưa Trường Đại học Luật, ĐHQGHN xếp hạng 351-400 thế giới bởi QS Rank 2025 theo lĩnh vực pháp luật.

- Hoàn thiện xây dựng, triển khai chỉnh sửa 04 CTĐT Đại học, theo QĐ 678/QĐ-BGDDT ngày 14/03/2025 của Bộ GD&ĐT về chuẩn CTĐT ngành luật theo hướng đo lường chuẩn đầu ra; Tập huấn cho các Khoa về xây dựng CTĐT, đề cương học phần theo hướng đo lường CĐR; Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về Dự thảo CTĐT và CĐR cho các CTĐT cử nhân của Trường.

- Rà soát Đề án Quy hoạch ngành và chuyên ngành giai đoạn 2026-2030; Rà soát báo cáo tình hình thực hiện Đề án nâng cao chất lượng đào tạo luật (Đề án 1056).

- Hoàn thiện xây dựng công tác hậu kiểm định chất lượng CSGD, CTĐT cử nhân ngành Luật chuẩn, CTĐT ThS Luật Hiến pháp và Luật Hành chính và các CTĐT đã được đánh giá ngoài.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch Tự đánh giá các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của AUN và của Bộ GD&ĐT để tiến tới đánh giá ngoài vào năm 2026.

- Tổ chức tập huấn chung và tập huấn chuyên sâu các Bộ tiêu chuẩn KĐCL đối với CTĐT cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế (theo tiêu chuẩn của AUN-QA) và CTĐT cử nhân ngành Luật Kinh doanh chu kì 2, CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành LL& LSNN&PL theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công tác công khai chất lượng theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học; tiếp tục thực hiện một cách có chất lượng các hoạt động khảo sát thường xuyên và theo chuyên đề để làm căn cứ cho các hoạt động cải tiến chất lượng của Trường.

3. Phòng Tổ chức, Hành chính và Thanh tra pháp chế

** Đối với công tác Tổ chức cán bộ*

- Hoàn thành việc sắp xếp tinh gọn bộ máy sau khi có ý kiến phê duyệt của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2015 của Ban Chấp hành Trung Ương về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả); Hoàn thành Đề án vị trí việc làm sau khi sắp xếp tinh gọn bộ máy.

- Triển khai và thực kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2025, đã tổ chức các lớp trung cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.....

- Hoàn thành kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho năm 2025.

** Đối với công tác Hành chính*

- Triển khai kế hoạch cải tạo, sửa chữa, mua sắm, trang bị cơ sở vật chất cho các đơn vị theo phê duyệt của Ban Giám hiệu. Đầu mỗi năm tham mưu cho lãnh đạo Trường về đề xuất mua sắm trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất năm 2026.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất và tổ chức thành công các buổi Lễ, Tết, Hội nghị thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng: Buổi gặp mặt đầu xuân Tết Nguyên đán Ất Tỵ, Hội nghị viên chức, người lao động năm 2025, Hội nghị tổng kết năm học 2024-2025, Kế hoạch nhiệm vụ năm 2025-2026.

** Đối với công tác Thanh tra pháp chế*

- Thanh tra, kiểm tra nề nếp giảng dạy, học tập và thi cử đối với các hệ đào tạo (Chính quy, Văn bằng 2, Bằng kép). Thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh (Đại học và Sau đại học).

- Kiểm tra hiện trạng và hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học (bao gồm học liệu, giáo trình).

- Thực hiện công tác tiếp công dân định kỳ và đột xuất cùng lãnh đạo Nhà trường.

- Tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, báo cáo.

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản quản lý nội bộ đảm bảo tính tương thích với các Quy định mới và thẩm định tính pháp lý của các quy chế, quy định do Trường ban hành.

- Triển khai, tham gia đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và văn bản quản lý của ĐHQGHN.

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Đã sửa đổi và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN.

- Triển khai Kế hoạch và Dự toán ngân sách hoạt động năm 2025 trên cơ sở đề xuất từ các Khoa, Phòng chức năng. Kết quả thực hiện về cơ bản đã sát với thực tế và đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) của Trường.

- Các hoạt động tài chính của Trường được thực hiện công khai, minh bạch, các chỉ tiêu kinh tế được thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, của ĐHQGHN và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Tài chính bảo đảm sự cân đối, hợp lý và hiệu quả giữa các nguồn thu - chi.

- Trong năm 2025, Trường đã thu hút được một số nguồn tài trợ cho hoạt động Khoa học công nghệ và các hội thảo, học bổng cho sinh viên góp phần nâng cao hoạt động tiết kiệm chi và tăng nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Trường. Bên cạnh đó Nhà Trường tăng cường tiết kiệm chi tạo giá trị thặng dư bổ sung các quỹ, thu nhập của người lao động ổn định và tăng so với năm trước.

- Hoạt động kế toán được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, phù hợp với chuẩn mực kế toán. Các tiêu chuẩn, chế độ và định mức chi tiêu được áp dụng theo Quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

5. Các Khoa chuyên môn

* Khoa Luật tư: Khoa đã kiện toàn cơ cấu tổ chức sau khi thành lập Khoa Luật tư trên cơ sở sáp nhập Khoa Luật Kinh doanh vào Khoa Luật Dân sự trước đây, thành lập 03 bộ môn để phát triển chuyên môn; Phát triển đội ngũ giảng viên trẻ (bổ sung thêm 5 giảng viên trẻ và trợ giảng); Thực hiện kế hoạch đào tạo các hệ theo kế hoạch chung của Trường; Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tổ chức các hội thảo, tọa đàm, triển khai các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp,

tăng số lượng và chất lượng công bố quốc tế); Thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện chính sách, góp ý xây dựng dự thảo các luật liên quan đến trí tuệ nhân tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

* Khoa Tư pháp Hình sự: Trong lĩnh vực đào tạo, Khoa đã triển khai tích cực hoạt động giảng dạy trong các chương trình đào tạo theo sự phân công của Trường, đặc biệt Khoa đã chủ động trong việc đào tạo Thạc sĩ các khoá 30, 31, đào tạo Tiến sĩ các khoá 2022, 2023, 2024, 2025 chuyên ngành Luật hình sự và Tổ tụng hình sự. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Khoa đã chủ trì về chuyên môn trong tổ chức gần 20 Hội thảo khoa học quốc tế và trong nước, góp phần hoàn thiện lý luận cũng như tư vấn, phản biện chính sách và pháp luật, thúc đẩy tiến trình cải cách tư pháp tại Việt Nam. Trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng, Khoa đã và đang triển khai nhiều hoạt động nhằm hoàn thiện cơ chế bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của tội phạm trên cơ sở hỗ trợ của Đại sứ quán Ailen và phối hợp với các trung tâm trợ giúp pháp lý và đoàn luật sư trên cả nước.

* Khoa Luật Quốc tế: Khoa chú trọng tổ chức các hoạt động sáng tạo, đổi mới trong học tập. Tiêu biểu là Hội nghị Mô phỏng Liên minh Châu Âu thuộc học phần “Tổ chức và pháp luật của Liên minh Châu Âu”, giúp sinh viên tiếp cận cơ chế vận hành của các thiết chế khu vực, rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy pháp lý trong môi trường quốc tế. Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế: Khoa đã tham gia kết nối, đón tiếp nhiều chuyên gia quốc tế uy tín như GS. Park Ki Gab, Thẩm phán Tòa án Quốc tế về Luật Biển - ITLOS, PGS.TS. Jon Truby và các học giả, chuyên gia nước ngoài khác. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học: Khoa tổ chức nhiều tọa đàm, hội thảo chuyên môn, tạo diễn đàn trao đổi học thuật cho cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia và người học, đặc biệt là phối hợp tổ chức Hội nghị Tổng kết 5 năm chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế giai đoạn 2018-2025.

* Khoa Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: Khoa đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tổ chức các hội thảo, tọa đàm, triển khai các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, tăng số lượng và chất lượng công bố quốc tế); Tư vấn, phản biện chính sách, góp ý xây dựng dự thảo các luật liên quan đến lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính, pháp luật về quyền con người, quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng; Phát triển đội ngũ giảng viên (cử các giảng viên tham gia học tập lý luận chính trị; đi học tập, nghiên cứu, trao đổi ở nước ngoài; tuyển dụng, phát triển các giảng viên trẻ); Thúc đẩy hợp tác, kết nối trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và trao đổi giảng viên, cán bộ với các cơ sở, đơn vị trong và ngoài nước.

* Khoa Lý luận, lịch sử Nhà nước và Pháp luật: Khoa đã chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành LL&LSNN&PL. Khoa đã hoàn thành việc tái bản 2 Giáo trình là Giáo trình “Tư duy pháp lý” và Giáo trình “Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới”, biên soạn mới Sách chuyên khảo “Cây ghép và chuyển hóa pháp luật tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”. Tiếp tục triển khai tổ chức giảng dạy học phần Nhà nước và pháp luật đại cương trên hệ thống LMS cho các đơn vị trong ĐHQGHN. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, Khoa đã hoàn thành việc tổ chức 4 hội thảo và 3 tọa đàm theo kế hoạch hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học năm 2025 đã được phê duyệt. Trong lĩnh vực công bố quốc tế, Khoa vượt mức chỉ tiêu 5 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus.

6. Các Trung tâm trực thuộc Trường

* Trung tâm Nghiên cứu Luật biển và Hàng hải quốc tế: Triển khai dự án Jean Monnet với các hoạt động: biên soạn sách chuyên khảo về EU, viết bài nghiên cứu quốc tế, tổ chức các chương trình EU MUN, tham dự các Hội thảo trong nước và quốc tế; Tổ

chức hoạt động kiến tập và thực tập dành cho sinh viên Trường Luật; Xây dựng chuyên mục thông tin về Luật Liên minh châu Âu (EU) trên trang web Trung tâm.

* Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý: Hoàn thành Dự án “Nâng cao năng lực hành nghề luật và trách nhiệm xã hội” cho sinh viên trường Đại học Luật thông qua chương trình Đào tạo giáo dục pháp luật thực hành ký với UNDP (United Nations Development Programme); Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy học phần Kỹ năng hỗ trợ dành cho sinh viên; Phối hợp với Ban Chấp hành Đoàn Trường tổ chức tọa đàm dành cho sinh viên.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KHCN, HTPT&ĐBCL.



Q. HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Tiến Việt